

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ TP RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 799/TTYT-TCHC
V/v yêu cầu báo giá việc thẩm định giá tài
sản, công cụ dụng cụ thanh lý tại Trung tâm
Y tế thành phố Rạch Giá

Rạch Giá, ngày 22 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị thẩm định giá tại Việt Nam

Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá có nhu cầu tiếp nhận báo giá việc thẩm định giá tài sản, công cụ dụng cụ cần thanh lý với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: TRUNG TÂM Y TẾ TP RẠCH GIÁ

Địa chỉ: 02 Âu Cơ, phường Vĩnh Lạc, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Thái Kim Qui

Chức vụ: Viên chức phòng Tổ chức – Hành chính

Số điện thoại: 0975 966 236

Địa chỉ email: kimquy1@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá

Số 02 Âu Cơ, phường Vĩnh Lạc, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 23 tháng 05 năm 2025 đến trước 17h ngày 30 tháng 05 năm 2025 (Trừ thứ 7, chủ nhật).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày, kể từ ngày 30 tháng 05 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục

STT	Tên hàng hóa	Số lượng	ĐVT
1	Thẩm định giá danh sách tài sản, công cụ dụng cụ cần thanh lý của Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá (có danh sách kèm theo)	792	Mục

2. Thời gian trả kết quả thẩm định giá chậm nhất: 10/6/2025.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá sẽ thanh toán cho nhà thầu khi nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán kèm theo.

4. Các thông tin khác (nếu có).

Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá kính mời Quý đơn vị quan tâm gửi báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT;
- Lưu: VT, tkqui.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Quý

DANH SÁCH

Tài sản, Công cụ dụng cụ cần thanh lý của Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá
(Ban hành kèm theo Công văn số: 739 /TTYT-TCHC ngày 21/5/2025 của Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá)

STT	Tên Tài sản	Mã TS, CCDC	Năm sử dụng	Số lượng	Tình trạng	Nguyên Giá		Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Lý do thanh lý
						Nguyên giá/l loại TSCĐ, CCDC	Tổng nguyên giá		
	I. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH								
	I Phòng Tổ chức - Hành chính								
1	1 Máy vi tính laptop Dell inspiron N4030	2.12.006.TCHC.01	2012	1	Hỏng bo máy chính	12.000.000	12.000.000	0	Hỏng, HHSD
2	2 Máy vi tính xách tay Dell inspiron N4110	2.12.001.TCHC.01	2012	1	Hỏng nguồn	15.000.000	15.000.000	0	Hỏng, HHSD
3	3 Máy chiếu Sanyo PLC	1.11.006.TCHC.01	2011	1	Hỏng đèn chiếu	19.000.000	19.000.000	0	Hỏng, HHSD
4	4 Máy photo copy Canon 2520 (TQ)	1.14.002.TCHC.01	2014	1	Hỏng main + màn hình	35.000.000	35.000.000	0	Hỏng, HHSD
5	5 Máy vi tính để bàn core i3-4160 + màn hình Philip 24"	1.16.015.TCHC.01	2016	1	Hỏng main	11.000.000	11.000.000	0	Hỏng, HHSD
6	6 Máy điều hòa 2 HP LG (2 cục)	1.11.004.TCHC.01	2011	1	Hỏng dàn lạnh	10.000.000	10.000.000	0	Hỏng, HHSD
7	7 Máy vi tính FPT H61 core i2 CPU E7500 + màn hình FPT Elcad + LG	1.10.007.TCHC.01	2010	1	Hỏng main	12.000.000	12.000.000	0	Hỏng, HHSD
8	8 Máy vi tính Intel pentium processor CPU G3220+ màn hình ASUS	1.14.003.TCHC.01	2014	1	linh kiện lỗi thời, chạy chậm	8.910.000	8.910.000	0	HHSD
9	9 Máy điều hoà 1,5HP Panasonic	T33015042-60107-597	2016	1	Hỏng dàn nóng	12.612.600	12.612.600	0	Hỏng, HHSD
10	10 Máy điều hòa 1,5HP Panasonic	T33015042-60107-595	2016	1	Hỏng dàn nóng	12.612.600	12.612.600	0	Hỏng, HHSD
11	11 Máy điều hòa 1,5HP Panasonic	T33015042-60107-596	2016	1	Hỏng dàn nóng	12.612.600	12.612.600	0	Hỏng, HHSD
12	12 Máy điều hòa 1,5HP Panasonic	T33015042-60107-591	2016	1	Hỏng dàn nóng	12.612.600	12.612.600	0	Hỏng, HHSD
13	13 Máy điều hòa 1,5HP Panasonic	T33015042-60107-593	2016	1	Hỏng dàn nóng	12.612.600	12.612.600	0	Hỏng, HHSD
14	14 Máy Scanner HP 2500 F1 (L2747 A)	T33015042-1472117-814	2020	1	Hỏng dàn nóng	8.500.000	8.500.000	0	Hỏng, HHSD
15	15 Máy vi tính (Digital+Philips) CPU G3260 + màn hình philips 193V	T33015042-60101-602	2016	1	Linh kiện lỗi thời, chạy chậm	13.863.600	13.863.600	0	HHSD
16	16 Máy vi tính (Digital+Philips) CPU G3260 + màn hình philips 193V	T33015042-60101-601	2016	1	Linh kiện lỗi thời, chạy chậm	13.863.600	13.863.600	0	HHSD
17	17 Tivi UBC 43'	T33015042-1472134-808	2020	1	Hỏng đèn hình	6.400.000	6.400.000	0	Hỏng, HHSD
	II Phòng Dân số - TT GDSK								

18	1	Máy vi tính xách tay Toshiba	3.08.132.DSTTGDSK.01	2008	1	Linh kiện lỗi thời, chạy chậm	13.258.000	13.258.000	0	HHSD
19	2	Máy vi tính I3 + Màn hình FPT	3.10.134.DSTTGDSK.01	2010	1	Hồng main +màn hình	11.300.000	11.300.000	0	Hồng, HHSD
20	3	Máy photo canon, Mã SP 2002N (2014)	3.18.146.DSTTGDSK.01	2014	1	Hồng hệ thống trục lấy giấy	37.000.000	37.000.000	0	Hồng, HHSD
21	4	Máy chụp hình KTS Sony T300	3.08.129.DSTTGDSK.01	2008	1	Hồng mắt Camera	8.000.000	8.000.000	0	Hồng, HHSD
22	5	Máy vi tính Core 2 don E 7510 +màn hình samsung	3.10.136.DSTTGDSK.01	2010	1	Hồng CPU	9.800.000	9.800.000	0	Hồng, HHSD
23	6	Máy điều hòa Sharp	1.13.001.DSTTGDSK.01	2013	1	Hồng dàn nóng,dàn lạnh	8.600.000	8.600.000	0	Hồng, HHSD
24	7	Máy vi tính I3 3220+ Màn hình Asus	3.10.133.DSTTGDSK.01	2010	2	Linh kiện lỗi thời, chạy chậm	9.800.000	19.600.000	0	HHSD
25	8	Máy vi tính Core 2 đuc CPU+ màn hình samsung	3.10.135.DSTTGDSK.02	2010	2	Hồng CPU	8.250.000	16.500.000	0	Hồng, HHSD
26	9	Tủ, kệ gỗ thao lao màu nâu (KT 2 x 2 x 0,5m)	T33015042-1472115-821	2010	1	Hồng	6.500.000	6.500.000	0	Hồng, HHSD
III Khoa Dược - TTB - VTYT										
27	1	Máy vi tính Acer CPU E3300 + màn hình ACER G195HQ	4.10.012.KD.01	2010	1	Hồng main +màn hình	5.863.000	5.863.000	0	hồng, HHSD
28	2	Máy vi tính LED CPU G630 + màn hình AOC e950Swn	1.13.017.KD.01	2013	1	Hồng main +màn hình	9.450.000	9.450.000	0	hồng, HHSD
29	3	Máy vi tính FPT Pentum E6700, G41	T33015042-60101-631	2012	1	Hồng main +màn hình	11.810.000	11.810.000	0	hồng, HHSD
30	4	Máy điều hoà Sharp	T33015042-14721112-964	2018	1	Hồng dàn nóng	8.000.000	8.000.000	0	hồng, HHSD
31	5	Máy vi tính G3930	T33015042-1472111-827	2019	1	Hồng nguồn, CPU, màn hình	8.000.000	8.000.000	0	hồng, HHSD
32	6	Máy vi tính Venr SM CPU G3250 + màn hình AOC	T33015042-1472111-826	2016	1	hồng CPU	8.800.000	8.800.000	0	hồng, HHSD
IV Phòng Tài chính - Kế toán										
33	1	Máy vi tính FPT i3-2120 CPU + màn hình FPT Elead F18RT	2.12.018.TCKT.01	2012	1	Hồng CPU+Màn hình	11.150.000	11.150.000	0	Hồng, HHSD
34	2	Máy vi tính FPT CPU E7500 + màn hình LG Flatron L17536	1.11.016.TCKT.01	2011	1	Hồng main	11.550.000	11.550.000	0	Hồng, HHSD
35	3	Máy vi tính MAGIC CPU E2160 + màn hình FPT Elead	1.08.014.TCKT.01	2008	1	Hồng main, CPU	7.990.000	7.990.000	0	Hồng, HHSD
36	4	Máy vi tính (Digital + philip) CPU G3260 + màn hình philip 193V	T33015042-60101-600	2016	1	Hồng CPU+Màn hình	13.863.600	13.863.600	0	Hồng, HHSD
37	5	Máy in Canon LBL 151W	T33015042-1472113-844	2016	1	Hồng bo mạch	5.600.000	5.600.000	0	Hồng, HHSD
38	6	Máy vi tính SP superpro (TQ) CPU G2020 + Màn hình hp LV1911	T33015042-1472111-830	2014	1	Hồng main+nguồn	7.350.000	7.350.000	0	Hồng, HHSD
39	7	Máy vi tính SP superpro (TQ) CPU G2020 + Màn hình hp LV1911	T33015042-1472111-831	2014	1	Hồng+ màn hình	7.350.000	7.350.000	0	Hồng, HHSD
40	8	Máy điều hòa Mitsubishi 1.5HP	T33015042-60107-654	2012	1	Hồng dàn nóng	11.636.363	11.636.363	0	Hồng, HHSD
41	9	Máy điều hòa (SHARP) 1 HP	T33015042-14721112-845	2013	1	Hồng dàn nóng	8.371.000	8.371.000	0	Hồng, HHSD
42	10	Máy vi tính FPT Elead T7400, CPU i3-8100, màn hình 19,5	T33015042-60101-657	2020	1	Hồng main+CPU	11.700.000	11.700.000	0	Hồng, HHSD
43	11	Máy điều hòa Panasonic 1,5 HP CU-N95KH-8, 1HP	T33015042-14721112-798	2018	1	Hồng dàn nóng	9.000.000	9.000.000	0	Hồng, HHSD
44	12	Máy vi tính SP superpro (TQ) CPU G2020 + màn hình hp LV1911	T33015042-1472111-829	2014	1	Hồng main	7.350.000	7.350.000	0	Hồng, HHSD
45	13	Tủ, kệ gỗ thao lao màu nâu (KT 2 x 2 x 0,5m)	T33015042-1472115-821	2010	1	Mục vách, gậy chân	6.500.000	6.500.000	0	Hồng, HHSD
V Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ										
46	1	Máy vi tính (Digital+Philips) CPU G3260 + màn hình philips 193V	2.16.049.KHNV.01	2016	1	Hồng main+CPU	13.863.600	13.863.600	0	Hồng, HHSD
47	2	Máy điều hòa Mitsubishi 1.5HP	T33015042-60107-654	2012	1	Hồng dàn nóng	11.636.363	11.636.363	0	Hồng, HHSD

48	3	Máy điều hòa (SHARP) 1 HP	T33015042-14721112-845	2013	1	Hồng dân nóng	8.371.000	8.371.000	0	Hồng, HHSD
49	4	Máy vi tính FPT Elead T7400, CPU i3-8100, màn hình 19.5	T33015042-60101-657	2020	1	Hồng main+nguồn	11.700.000	11.700.000	0	Hồng, HHSD
50	5	Máy điều hòa Panasonic 1,5 HP CU-N95KH-8, 1HP	T33015042-14721112-798	2018	1	Hồng dân nóng	9.000.000	9.000.000	0	Hồng, HHSD
51	6	Máy vi tính SP superpro (TQ) CPU G2020 + màn hình hp LV1911	T33015042-1472111-829	2014	1	Hồng main+nguồn	7.350.000	7.350.000	0	Hồng, HHSD
VI Khoa KSBT - HIV/AIDS										
52	1	Máy vi tính bàn Lenovo MT M 5485 R28	4.11.041.KSDB.01	2011	1	Hồng main+Ổ cứng	12.000.000	12.000.000	0	Hồng, HHSD
53	2	Máy vi tính FPT pentium4 CPU 3.+ màn hình LG Flatron w19418	1.08.018.KSDB.01	2008	1	Hồng main	12.000.000	12.000.000	0	Hồng, HHSD
54	3	Máy điều hòa samsung 1HP	T33015042-14721112-856	2013	1	Hồng dân nóng	8.371.000	8.371.000		Hồng, HHSD
55	4	Máy vi tính FPT CPU i3-3220	T33015042-1472111-853	2013	1	Hồng main+Ổ cứng	9.450.000	9.450.000		Hồng, HHSD
56	5	Máy vi tính Intel pentium processor CPU G3220 + màn hình ASUS	T33015042-1472111-854	2014	1	Hồng main+Màn hình	8.910.000	8.910.000		Hồng, HHSD
VII Khoa Y tế công cộng										
57	1	Máy vi tính FPT CPU G840 + màn hình FPT Elead	2.12.035.YTCC.01	2012	1	Hồng main, màn hình đen	11.810.000	11.810.000	0	Hồng, HHSD
58	2	Máy vi tính M-KTS-G630 CPU G630 + màn hình AOC	1.13.160.YTCC.01	2013	1	Hồng main, màn hình sọc	9.450.000	9.450.000	0	Hồng, HHSD
VIII Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm										
59	1	Máy vi tính FPT S865 CPU E7500 + màn hình FPT Elead	2.11.027.ATVSTP.01	2011	1	Hồng	11.550.000	11.550.000	0	Hồng, HHSD
IX Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh										
60	1	Máy sinh hóa Erba (Chem 7)	2.10.020.XN_CDHA.01	2010	1	Hồng bo mạch điều khiển	102.600.000	102.600.000	0	Hồng, HHSD
61	2	Máy XN nước tiểu (Urtek- TC 101 A)	2.10.021.XN_CDHA.01	2010	1	Hồng bo mạch nguồn	26.500.000	26.500.000	0	Hồng, HHSD
62	3	Máy điều hòa LG 1HP	1.11.029.XN_CDHA.01	2011	1	Hồng dân nóng	10.000.000	10.000.000	0	Hồng, HHSD
63	4	Tủ mát Alaska	4.12.015.XN_CDHA.01	2012	1	Hồng block nén	9.545.455	9.545.455	0	Hồng, HHSD
64	5	Máy vi tính CPU G2010 + màn hình Venr 9098SSL	1.13.039.XN_CDHA.01	2013	1	Hồng main, nguồn, ổ cứng	9.450.000	9.450.000	0	Hồng, HHSD
65	6	Tủ mát đựng sinh phẩm	4.13.040.XN_CDHA.01	2013	1	Hồng block nén	7.000.000	7.000.000	0	Hồng, HHSD
66	7	Máy ly tâm máu	T33015042-60303-684	2015	1	Hồng động cơ	60.000.000			Hồng, HHSD
X Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản										
67	1	Máy điều hòa LG 2 ngựa	1.08.026.CSSKSS.01	2008	1	Hồng dân nóng	12.000.000	12.000.000	0	Hồng, HHSD
68	2	Dopler nghe tim thay (Mornitoring sản khoa)	2.13.114.CSSKSS.01	2013	1	Hồng nguồn	5.000.000	5.000.000	0	Hồng, HHSD
69	3	Máy vi tính Intel pentium processor CPU G3220 + màn hình ASUS	T33015042-1472111-891	2014	1	Hồng main, ổ cứng, màn hình	8.910.000	8.910.000		Hư, HHSD
XI Phòng khám trung tâm										
70	1	Máy siêu âm trắng đen xách tay Fukuda UF-400 (Nhật)	2.13.138.PKTT.01	2013	1	Hồng đèn hình	280.000.000	280.000.000	0	Hồng, HHSD
71	2	Máy đo điện tim (DTD hiệu Fukudapx 7102)	2.10.022.PKTT.01	2010	1	Hồng bo mạch	37.000.000	37.000.000	0	Hồng, HHSD
72	3	Máy điều hoà LG 2HP	1. . . . PKTT.	2012	1	Hồng dân nóng, dân lạnh	12.000.000	12.000.000	0	Hồng, HHSD
73	4	Máy vi tính CPU E6550 + màn hình Samsung	1.15.009.PKTT.01	2015	1	Hồng main	9.800.000	9.800.000	0	Hồng, HHSD
74	5	Máy điều hoà Panasonic 1,5HP	T33015042-60107-747	2019	1	hồng dân nóng	12.000.000	12.000.000	0	hồng, HHSD
75	6	Máy điều hoà Panasonic 1,5HP	T33015042-60107-746	2019	1	hồng dân nóng	12.000.000	12.000.000	0	hồng, HHSD
76	7	Máy siêu âm Aloka SSD500 (Nhật) UST-934 N-3.5 SN: M1859BC	T33015042-60303-689	2011	1	hồng đèn hình	216.500.000	216.500.000	0	hồng, HHSD
77	8	Máy vi tính FPT CPU 840 + màn hình Elead E18RH	T33015042-60101-696	2012	1	Hồng CPU	11.810.000	11.810.000	0	hồng, HHSD
78	9	Máy tính để bàn Fujitsu D750 core i5 650 3.2 GHz; Ram II 2gb	T33015042-1472111-997	2011	1	Linh kiện lỗi thời, chạy chậm	5.000.000	5.000.000	0	HHSD

79	10	Máy vi tính để bàn Fujitsu D750 core I5 650 3.2 GHz; Ram II 2gb	T33015042-1472111-998	2011	1	Hồng main	5.000.000	5.000.000	0	hồng, HHSD
80	11	Máy vi tính Intel pentium processor CPU G3220 + màn hình ASUS	T33015042-1472111-892	2014	1	Linh kiện lỗi thời, chạy chậm	8.910.000	8.910.000	0	HHSC
81	12	Máy vi tính FPT CPU G1630 + màn hình Samsum	T33015042-1472111-894	2016	1	Hồng CPU+Màn hình	9.000.000	9.000.000	0	hồng, HHSD
82	13	Máy in Canon LBP 2900	T33015042-1261	2016	1	Hồng hệ thống trục lấy giấy	8.550.000	8.550.000	0	hồng, HHSD
XII Trạm Y tế Phường Vĩnh Lợi										
83	1	Máy vi tính FPT	3.18.102.VLOI.01	2010	1	Hồng Main+Nguồn	11.300.000	11.300.000	0	Hồng, HHSD
84	2	Máy vi tính để bàn Fujitsu D750/A Intel core I5 660 3.2 GHz; Ram II 2gb	4.18.038.VLOI.01	2011	1	Hồng CPU+Màn hình	10.000.000	10.000.000	0	Hồng, HHSD
85	3	Máy vi tính DIGITAL LCD CPU G630 và SP G2020 + màn hình HP LV1911	2.13.088.VLOI.02	2013	1	Hồng main +màn hình	7.325.500	7.325.500	0	Hồng, HHSD
86	4	Máy vi tính CPU G3260 + màn hình Venr	1.16.074.VLOI.01	2016	1	Hồng main	8.800.000	8.800.000	0	Hồng, HHSD
87	5	Tủ đựng hồ sơ gỗ Xoan đào (1.6x0,9x0,4) m	2.13.093.VLOI.03	2013	1	Mục, gậy chân, hồng cửa	6.664.000	6.664.000	0	Hồng, HHSD
88	6	Máy điều hòa TOSHIBA(5) (đời cũ), Mitsubitsi Sart(2)	1.04.004.VLOI.06	2004	1	Hồng dân nóng	6.000.000	6.000.000	0	Hồng, HHSD
89	7	Máy tính FPT G3320 CPU i3-7100	T33015042-60101-724	2019	1	Linh kiện lỗi thời, chạy chậm	11.700.000	11.700.000		HHSD
90	8	Bàn khám phụ khoa Inox có nệm (Chân cầu thang)	T33015042-2036	1992	1	Gậy chân	6.000.000	6.000.000		Hồng, HHSD
XIII Trạm Y tế Phường Rạch Sỏi										
91	1	Máy vi tính Dell Optiplex 3040 + màn hình Dell	4.16.078.RS.01	2016	1	Hồng main+Màn hình	12.000.000	12.000.000	0	Hồng, HHSD
92	2	Máy vi tính CMSVipoV306 CPU G360 + màn hình Acer V193HQL	2.13.122.RS.01	2013	1	Hồng CPU	8.835.000	8.835.000	0	Hồng, HHSD
93	3	Máy vi tính hiệu Venr+Neor pentium4 CPU 3 + màn hình Venr 9091WN	4.12.052.RS.01	2012	1	Hồng nguồn +Main	9.450.000	9.450.000	0	Hồng, HHSD
XIV Trạm Y tế Phường An Bình										
94	1	Máy vi tính Dell Optiplex 3040 + màn hình Dell	4.16.082.AB.01	2016	1	Hồng main nguồn	12.000.000	12.000.000	0	Hồng, HHSD
95	2	Bộ truyền Thông	3.18.036.AB.01	2005	1	Hồng, ri sét	6.495.000	6.495.000	0	Hồng, HHSD
96	3	Máy vi tính CPU G3260 + màn hình Venr	1.16.086.AH.01	2016	1	Hồng CPU	8.800.000	8.800.000	0	Hồng, HHSD
97	4	Máy tính FPT + màn hình AOC	T33015042-60101-715	2010	1	Hồng main+nguồn	11.300.000	11.300.000		Hồng, HHSD
98	5	Máy tính G2020 + Venr FBI	T33015042-1472111-916	2016	1	Hồng main, ổ cứng	8.800.000	8.800.000		Hồng, HHSD
XV Trạm Y tế Phường An Hoà										
99	1	Máy vi tính CPU E7500 + màn hình FPT Elead	2.10.063.AH.01	2010	1	Hồng nguồn +Main	11.550.000	11.550.000	0	Hồng, HHSD
100	2	Máy vi tính LG CPU E6500	3.14.032.AH.01	2014	1	Hồng nguồn +Main	10.000.000	10.000.000	0	Hồng, HHSD
101	3	Máy vi tính Dell Optiplex 3040 (I3-6100) + màn hình Dell	T33015042-60101-735	2016	1	hồng CPU	13.500.000	13.500.000		hồng, HHSD
102	4	Máy điều hòa Sam Sung	T33015042-1472112-1013	2010	1	hồng dân nóng	5.100.000	5.100.000		hồng, HHSD
XVI Trạm Y tế Phường Vĩnh Lạc										
103	1	Máy vi tính LG (318088VL.01) (Màn hình samsum)	3.18.054.VL.01	2018	1	Hồng CPU+Màn hình	10.000.000	10.000.000	0	Hồng, HHSD
104	2	Máy vi tính LCD HP 19" model R191 (TQ) CPU 2030 + màn hình Compaq	2.14.063.VL.01	2014	1	Hồng main	7.350.000	7.350.000	0	Hồng, HHSD
105	3	Máy điều hòa 1.5 HP Panasonic (Malaysia)	2.14.060.VL.02	2014	1	Hồng dân nóng	9.594.200	9.594.200	0	Hồng, HHSD
106	4	Máy in Canon 2900	T33015042-1472113-925	2018	1	Hồng bo mạch	8.700.000	8.700.000		Hồng, HHSD
107	5	Máy vi tính Dell Optiplex 3040 (I3-6100) + Màn hình Dell (Ph	T33015042-600101-734	2016	1	linh kiện lỗi thời, chạy chậm	13.500.000	13.500.000		HHSD
XVII Trạm Y tế Phường Vĩnh Hiệp										
108	1	Máy vi tính E5300	3.14.022.VH.01	2014	1	Hồng main	12.000.000	12.000.000	0	Hồng, HHSD
109	2	Tủ đựng hồ sơ gỗ xoan đào kép (160 x 100 x 40) cm	T33015042-1472115-931	2014	1	Mục vách, gậy chân	7.154.000	7.154.000		Hồng, HHSD

110	3	Máy vi tính SP superpro (TQ) CPU G3220 + màn hình 7008B3	T33015042-1472111-832	2014	1	Hồng ô cứng+main	7.350.000	7.350.000	Hồng, HHSD
		XVIII							
111	1	Máy vi tính SP superpro (TQ) CPU G3220 + màn hình 7008B3	T33015042-1472111-832	2014	1	Hồng ô cứng+main	7.350.000	7.350.000	Hồng, HHSD
112	2	Máy vi tính CPU E7500 + màn hình FPT S865	2.14.108.V.Th.01	2014	1	Hồng đèn hình	290.080.000	290.080.000	Hồng, HHSD
113	3	Máy vi tính Intel pentium processor CPU G2020+ màn hình ASUS	2.10.083.V.Th.01	2010	1	Hồng nguồn + màn hình	11.550.000	11.550.000	Hồng, HHSD
		XIX							
114	1	Máy vi tính FPT CPU E8400 + màn hình FPT Elead	2.09.064.VTV.01	2009	1	Hồng main	13.000.000	13.000.000	Hồng, HHSD
115	2	Máy vi tính TPT +Màn hình	3.14.112.VTV.01	2014	1	Hồng main+ màn hình	11.300.000	11.300.000	Hồng, HHSD
116	3	Máy vi tính HP207 i3 - 7100 (G1-3240) CPU Intel Core-i3 + màn hình HP V203P (T3U90AA)	2.17.055.VTV.03	2017	1	Hồng main	11.216.700	11.216.700	Hồng, HHSD
117	4	Loa vai kéo Temeisheng Pro 168, 220V-12V, 25 kg(0.51x0.44x0.62) m	2.17.069.VTV.01	2017	1		5.841.000	5.841.000	Hồng, HHSD
118	5	Bộ truyền thông	3.10.108.VTV.01	2010	1	Hồng	6.495.000	6.495.000	Hồng, HHSD
119	6	Máy vi tính HP207 i3 - 7100 (G1-3240)	T33015042-60101-716	2017	1	1 linh kiện lỗi thời, chạy chậm	11.216.700	11.216.700	Hồng, HHSD
120	7	Máy vi tính HP207 i3 - 7100 (G1-3240) CPU 34GHZ	T33015042-60101-777	2017	1	Hồng main	11.216.700	11.216.700	Hồng, HHSD
121	8	Máy vi tính HP207 i3 - 7100 (G1-3240)	T33015042-60101-778	2017	1	Hồng main	11.216.700	11.216.700	Hồng, HHSD
122	9	Máy vi tính Dell Optiplex 3040 (i3-6100)+ màn hình Dell	T33015042-60101-740	2016	1	Hồng main+nguồn	13.500.000	13.500.000	Hồng, HHSD
123	10	Tivi (Smart) LED Samsung 40 Inch UA40J5200AKXXV	T33015042-1472134-948	2017	1	Hồng đèn led	8.316.000	8.316.000	Hồng, HHSD
		Trạm Y tế Phường Vĩnh Thanh Vân (Vĩnh Bảo cũ)							
124	1	Máy vi tính FPT+Màn hình	3.14.076.VB.01	2014	1	Hồng main+ nguồn	11.300.000	11.300.000	hồng, HHSD
125	2	Máy vi tính để bàn Fujitsu 750/A Intel core i3 540 3.7 GHz; Ram III 2gb	4.11.040.VB.01	2011	1	Hồng CPU+main+ màn hình	10.000.000	10.000.000	hồng, HHSD
126	3	Máy vi tính CPU G630 + màn hình ACER	1.13.154.VB.01	2013	1	Hồng main	9.450.000	9.450.000	hồng, HHSD
127	4	Máy vi tính LCD HP 19" model R191 (TQ) CPU 2030 + màn hình FPT Compaq	2.14.103.VB.01	2014	1	Hồng main	7.350.000	7.350.000	hồng, HHSD
128	5	Máy vi tính CPU G630 + màn hình ACER	1.13.154.VB.01	2013	1	Hồng main	9.450.000	9.450.000	hồng, HHSD
129	6	Máy vi tính LCD HP 19" model R191 (TQ) CPU 2030 + màn hình FPT Compaq	2.14.103.VB.01	2014	1	Hồng main	7.350.000	7.350.000	hồng, HHSD
130	7	Loa soi tai (3 cái/bộ)	2.15.079.VB.01	2015	1	hồng, rỉ sét	8.960.000	8.960.000	hồng, HHSD
131	8	Máy vi tính để bàn Fujitsu 750/A Intel core i3 540 3.7 GHz; Ram III 2gb	T33015042-60101-2345	2011	1	hồng main	11190000	11190000	hồng, HHSD
		XX							
132	1	Máy vi tính CPU E6700 + màn hình FPT Elead F18RG	1.11.079.VQ.01	2011	1	Hồng main	11.810.000	11.810.000	Hồng, HHSD
133	2	Máy vi tính CPU E5700 + màn hình HP TCO07	2.16.130.VQ.02	2016	1	Hồng main	11.194.920	11.194.920	Hồng, HHSD
134	3	Máy vi tính FPT+Màn hình	3.14.046.VQ.01	2014	1	Hồng main+ màn hình	10.000.000	10.000.000	Hồng, HHSD
135	4	Bộ truyền thông	3.05.043.VQ.01	2005	1	Hồng nguồn	6.495.000	6.495.000	Hồng, HHSD
136	5	Máy vi tính Intel pentium processor CPU G3240 + màn hình ASUS	1.14.118.VQ.01	2014	1	Hồng CPU+nguồn	8.910.000	8.910.000	Hồng, HHSD
		XXI							
137	1	Máy vi tính CPU E7500 + màn hình FPT	2.11.083.V.Thg.01	2011	1	Hồng main	11.550.000	11.550.000	Hồng, HHSD
138	2	Máy vi tính FPT + Màn hình + Máy in HP 1102	3.10.118.V.Thg.01	2010	1	Hồng main	12.800.000	12.800.000	Hồng, HHSD
139	3	Máy vi tính Dell Optiplex 3040 + màn hình Dell	4.16.150.V.Thg.01	2016	1	Hồng main	12.000.000	12.000.000	Hồng, HHSD
140	4	Máy vi tính Vyllacom G2, CPU G3260 + màn hìnhView Sonie	1.16.149.V.Thg.01	2016	1	Hồng nguồn	8.900.000	8.900.000	Hồng, HHSD



141	5	Máy vi tính Dell Optiplex 3040 (I3-61000 + màn hình Dell	T33015042-60101-737	2016	1	Hồng main	13.500.000	13.500.000		Hồng, HHSD
	XXII	Trạm Y tế xã Phi Thông								
142	1	Máy đo điện tim 3 kênh NB (Fukuda)	2.12.150.PT.01	2012	1	Hồng nguồn, mạch	38.220.000	38.220.000	0	Hồng, HHSD
143	2	Máy vi tính CPU G840 + màn hình FPT Elead S865 (CPU G2030, Ram 2G, main GA-H61M, ổ cứng 250GB HDD)	2.10.089.PT.01	2010	1	Hồng main	11.550.000	11.550.000	0	Hồng, HHSD
144	3	Máy điều hòa panasonic	T33015042-14721112-958	2012	1	Hồng dàn nóng	9.790.000	9.790.000		Hồng, HHSD
145	4	Máy vi tính Dell Optiplex 3040 (I3-6100)+ màn hình Dell	T33015042-60101-741	2016	1	Hồng main	13.500.000	13.500.000		Hồng, HHSD
		CÔNG CỤ DỤNG CỤ								
	I	Phòng Tổ chức - Hành chính								
146	1	Máy in Hp laserjet P1102	2.16.031.TCHC.02	2016	2	Hồng bo mạch	2.850.000	5.700.000	0	Hồng, HHSD
147	2	Quạt đứng Sankyo	1.14.001.TCHC.01	2014	1	Hồng động cơ	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
148	3	Quạt đứng Sankyo	1.15.002.TCHC.01	2015	1	Hồng động cơ	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
149	4	Bàn biro làm việc	1.11.001.TCHC.01	2011	1	Mục, gậy chân	3.600.000	3.600.000	0	Hồng, HHSD
150	5	Bàn biro (0.7x2x0.4) m	1.11.010.TCHC.01	2011	1	Mục, gậy chân	3.600.000	3.600.000	0	Hồng, HHSD
151	6	Bộ định tuyến TOTOLINK	1.17.044.TCHC.01	2017	1	Hồng bo mạch	1.163.636	1.163.636	0	Hồng, HHSD
152	7	Điện thoại bàn KTEL 645a	1.13.005.TCHC.01	2013	1	Hồng chuông	600.000	600.000	0	Hồng, HHSD
153	8	Điện thoại bàn Nippon NP-1201	1.16.013.TCHC.01	2016	1	Hồng chuông	235.000	235.000	0	Hồng, HHSD
154	9	Điện thoại không dây Panasonic KX TGT 310 CX	1.16.002.TCHC.01	2016	1	Hồng chuông	2.250.000	2.250.000	0	Hồng, HHSD
155	10	Micro không dây Shure Ufx-82	1.16.011.TCHC.01	2016	1	Hồng mạch	4.550.000	4.550.000	0	Hồng, HHSD
156	11	Thang nhôm 4 m	1.12.005.TCHC.01	2012	1	Gậy	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
157	12	Cây treo truyền dịch (CT-01)	1.11.008.TCHC.01	2011	1	gậy chân	4.800.000	4.800.000	0	Hồng, HHSD
158	13	Bàn biro 1 tủ (70x140x67) cm	1.00.005.TCHC.03	2000	1	Mục	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
159	14	Máy in HL Laserjet p2015D	1.07.004.TCHC.01	2007	1	Hồng bo mạch	3.500.000	3.500.000	0	Hồng, HHSD
160	15	Quạt bàn hộp (linpan)	1.09.004.TCHC.01	2009	1	Hồng cuộn dây	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
161	16	Tủ nhôm kiếng 2 cánh (44x100x190) cm	1.05.012.TCHC.01	2005	1	Vỡ kiếng	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
162	17	Tủ sắt	1.00.006.TCHC.01	2000	1	Rì sét	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
163	18	Bàn họp	1.09.010.TCHC.01	2009	1	Mục, gậy chân	4.000.000	4.000.000	0	Hồng, HHSD
164	19	Ghế dài gỗ	1.09.006.TCHC.07	2009	7	Mục, gậy chân	700.000	4.900.000	0	Hồng, HHSD
165	20	Ghế dài gỗ dựa	1.11.002.TCHC.04	2011	4	Mục, gậy chân	700.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
166	21	Ghế dài gỗ dựa	1.09.011.TCHC.04	2009	4	Mục, gậy chân	700.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
167	22	Tủ sắt 2 cánh (48x 89x160) cm	1.05.013.TCHC.02	2005	1	Rì sét, gậy chân	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
168	23	Máy Scan Canon Lide 400	T33015042-1081	2018	1	Hồng đèn quét	3.200.000	3.200.000	0	Hồng, HHSD
169		Bàn để máy vi tính		2021		Mục, gậy chân	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
	II	Phòng Dân số - TTGDSK								
170	1	Bàn vi tính ván Ximel (KT1.4 x 2,2 x0,76m)	3.18.141.DSTTGDSK.03	2014	2	Mục, gậy chân	1.100.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
171	2	Tích điện Santak	3.18.137.DSTTGDSK.02	2006	2	Hồng ác quy	450.000	900.000	0	Hồng, HHSD
172	3	Máy in cannon 3200	3.10.139.DSTTGDSK.01	2010	1	Hồng bo mạch	2.585.000	2.585.000	0	Hồng, HHSD
173	4	Máy in cannon 2900	T33015042-1098	2010	1	Hồng bo mạch	2.585.000	2.585.000		Hồng, HHSD
		Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản								
173	1	Máy vi tính Intel pentium processor CPU G3220 + màn hình ASUS	T33015042-1472111-891	2014	1	Hồng main, màn hình				Hồng, HHSD
	III	Khoa Dược -TTB- VTYT								
174	1	Bàn làm việc	1.13.013.KD.01	2013	1	Mục, gậy chân	4.116.000	4.116.000	0	Hồng, HHSD

175	2	Bàn máy vi tính	1.13.014.KD.01	2013	1	Mục, gậy chân	2.350.000	2.350.000	0	Hồng, HHSD
176	3	Ghế cây	1.00.007.KD.10	2000	10	Mục, gậy chân	900.000	9.000.000	0	Hồng, HHSD
177	4	Ghế inox	1.11.012.KD.03	2011	3	Rì sét, gậy chân	700.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
178	5	Máy in HP 1018	1.08.012.KD.01	2008	1	Hồng khay lấy giấy	2.700.000	2.700.000	0	Hồng, HHSD
179	6	Máy in LBP 3000	1.12.010.KD.01	2012	1	Hồng bo mạch	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
180	7	Micro để bàn	1. . .KD.01	2012	1	Rách màng tạo âm	300.000	300.000	0	Hồng, HHSD
	IV Phòng Tài chính - Kế toán									
181	1	Bàn để máy vi tính (gỗ ép)	2.16.043.TCKT.01	2016	1	Hồng mục, gậy chân	750.000	750.000	0	Hồng, HHSD
182	2	Máy in Brother HL 2250 DN	1.12.017.TCKT.01	2012	1	Hồng khay lấy giấy	2.900.000	2.900.000	0	Hồng, HHSD
183	3	Máy in Xerox Phaser 3155	1.14.006.TCKT.01	2014	1	Hồng bo mạch nguồn	2.900.000	2.900.000	0	Hồng, HHSD
184	4	Tủ sắt 2 cánh (0.5x0.9x1.6) m	1.99.006.TCKT.02	1999	1	Rì sét, gậy chân	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
185	5	Bình chữa cháy MFZ4	1.17.022.TCKT.01	2017	1	Rì sét, Thùng bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD
186	6	Điện thoại bàn	1.99.005.TCKT.01	1999	1	Hồng chuông	380.000	380.000	0	Hồng, HHSD
187	7	Tủ kiếng (0.8x0.8x0.45) m	1.04.001.TCKT.01	2004	1	Gậy chân, võ kiếng	1.150.000	1.150.000	0	Hồng, HHSD
188	8	Tủ kiếng (1.1x0.8x0.5) m	1.04.002.TCKT.01	2004	1	Gậy chân, võ kiếng	1.250.000	1.250.000	0	Hồng, HHSD
189	9	Tủ hồ sơ lưu tài liệu văn phòng (kệ sắt)	1.13.008.TCKT.01	2013	1	Rì sét	3.920.000	3.920.000	0	Hồng, HHSD
190	10	Bàn làm việc Gỗ xoan đào 1.2x0.6 m	1.18.052.TCKT.01	2018	1	Mục, gậy chân	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
191	11	Ghế tựa sắt có nệm	1.97.003.TCKT.03	1997	2	Rì sét, gậy chân	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
192	12	Két sắt	1. . .TCKT.01	2010	1	Hồng ổ khoá, rì sét	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
193	13	Ghế Tựa 3 tép hồng kong	1.08.062.TCKT.01	2008	1	Mục, gậy	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
194	14	Máy in HP 1102	T33015042-1130	2010	1	Hồng bo mạch	3.200.000	3.200.000		Hồng, HHSD
195	15	Tủ sắt (42x100x160)cm	T33015042-1959	1997	1	Rì sét	3.000.000	3.000.000		Hồng, HHSD
196	16	Máy in trắng đen Canon 2900	T33015042-1147	2019	1	Hồng bo mạch	4.400.000	4.400.000		Hồng, HHSD
197	17	Máy in cannon 2900	T33015042-1098	2010	1	Hồng khay lấy giấy	2.585.000	2.585.000		Hồng, HHSD
	V Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ									
198	1	Bàn để máy vi tính	2.10.013.KHNV.01	2010	1	Mục, gậy chân	950.000	950.000	0	Hồng, HHSD
199	2	Điện thoại bàn	1.17.046.KHNV.01	2017	1	Hồng mạch	245.455	245.455	0	Hồng, HHSD
200	3	Bàn để máy vi tính (gỗ ép)	2.16.046.KHNV.01	2016	1	Mục, gậy chân	750.000	750.000	0	Hồng, HHSD
201	4	Ghế dai	1.90.007.KHNV.03	1990	3	Mục, gậy chân	700.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
202	5	Tủ nhôm 2 cánh kiếng	1.06.002.KHNV.01	2006	1	Võ kiếng	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
203	6	Tủ sắt	1.06.003.KHNV.01	2006	1	Rì sét	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
204	7	Tủ sấy điện DO - 75	4.13.052.KHNV.01	2013	1	Hồng nguồn công suất	1.800.000	1.800.000	0	Hồng, HHSD
205	8	Máy in trắng đen Canon 2900	T33015042-1147	2019	1	Hồng khay lấy giấy	4.400.000	4.400.000		Hồng, HHSD
206	9	Điện thoại bàn Ktel	T33015042-1969	2020	1	Hồng mạch	300.000	300.000		Hồng, HHSD
207	10	Đồ hút rác		2021	10	Mục hồng	25.000	250.000		Hồng, HHSD
208	11	Thau nhựa tròn, kt (Đ 49,2 x Đ 34,5 x H 16)cm		2021	84	Mục hồng	55.000	4.620.000		Hồng, HHSD
209	12	Xô nhựa (20 lít)		2021	82	Mục hồng	75.000	6.150.000		Hồng, HHSD
210	13	Ca múc nước có tay cầm		2021	82	Mục hồng	18.000	1.476.000		Hồng, HHSD
211	14	Đồ bảo hộ		2021	850	Mục hồng	210.000	178.500.000		Hồng, HHSD
212	15	Thùng nhựa hình chữ nhật màu xanh, kt (1120 x 910 x 410) mm		2021	1	Mục hồng	790.000	790.000		Hồng, HHSD
213	16	Chiều còi (KT 100x200cm)		2021	320	Mục hồng		0		Hồng, HHSD
214	17	Mền nhung đập (120 x 200) cm		2021	495	Mục hồng		0		Hồng, HHSD

215	18	Xô nhựa (20 lít)		2021	48	Mục hồng	75.000	3.600.000		Hồng, HHSD
216	19	Thau nhựa tròn, kt (Đ 49,2 x Đ 34,5 x H 16)cm		2021	50	Mục hồng	55.000	2.750.000		Hồng, HHSD
217	20	Cà nhựa cổ tay cầm		2021	54	Mục hồng	18.000	972.000		Hồng, HHSD
218	21	Thùng hình chữ nhật (1120 x 910 x 410 mm)		2021	3	Mục hồng	790.000	2.370.000		Hồng, HHSD
219	VI Khoa KSBT - HIV/AIDS									
220	1	Máy ảnh Canon IXUS 160	4.15.004.KSDB.01	2015	1	Hồng ống kính	2.860.000	2.860.000	0	Hồng, HHSD
221	2	Cân kết hợp đo sức khỏe	4.15.005.KSDB.01	2015	1	Rỉ sét, mất linh kiện	555.500	555.500	0	Hồng, HHSD
222	3	Ghế nhựa cao Duy Tân (33.5 x 33.5 x 45 cm)	1.20.047.KSDB.20	2020	3	mục	55.000	165.000	0	Hồng, HHSD
223	4	Bàn để vi tính	1.12.020.KSDB.01	2012	1	Gậy chân	770.000	770.000	0	Hồng, HHSD
224	5	Máy trợ giảng Shuke SK-290	4.14.010.KSDB.01	2014	1	Hồng nguồn	2.448.000	2.448.000	0	Hồng, HHSD
225	6	Ghế nhựa cao Duy Tân (33.5 x 33.5 x 45 cm)	1.20.047.KSDB.17	2020	17	Mục	55.000	935.000	0	Hồng, HHSD
226	7	Bàn cây (90x180) cm	1.05.086.KSDB.01	2005	1	Mục	2.400.000	2.400.000	0	Hồng, HHSD
227	8	Điện thoại bàn	1.05.016.KSDB.03	2005	1	Hồng mạch	300.000	300.000	0	Hồng, HHSD
228	9	Tủ sắt (99x180) cm	1.90.011.KSDB.01	1990	1	Rỉ sét, gậy chân	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
229	10	Tủ sắt (48x90x160) cm	1.99.007.KSDB.02	1999	1	Rỉ sét, gậy chân	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
230	11	Bàn cây (110x230) cm	1.95.001.KSDB.01	1995	1	Mục, gậy	2.400.000	2.400.000	0	Hồng, HHSD
231	12	Bàn cây (60x120) cm	1.95.002.KSDB.04	1995	4	Mục, gậy	2.200.000	8.800.000	0	Hồng, HHSD
232	13	Bàn cây (66x140) cm	1.95.003.KSDB.02	1995	2	Mục, gậy	2.200.000	4.400.000	0	Hồng, HHSD
233	14	Bàn gỗ	1.12.025.KSDB.01	2012	1	Mục, gậy	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
234	15	Bàn làm việc (bàn gỗ)	1.11.017.KSDB.01	2011	1	Mục, gậy	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
235	16	Băng ghế tựa Hòa phát	1.05.021.KSDB.04	2005	4	Rỉ sét, mục, gậy	2.500.000	10.000.000	0	Hồng, HHSD
236	17	Đèn khám bệnh	1.12.029.KSDB.01	2012	1	Hồng nguồn	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
237	18	Ghế dài	1.09.017.KSDB.05	2009	5	Mục, gậy chân	600.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
238	19	Tủ sắt (48x90x160) cm	1.99.007.KSDB.02	1999	2	Rỉ sét, gậy chân	1.000.000	2.000.000	0	Hồng, HHSD
239	20	Bàn cây (90x180) cm	4.05.015.KSDB.01	2005	1	Mục, gậy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
240	21	Ghế nệm xoay	3.18.059.KSDB.02	2018	2	Rỉ sét, gậy chân	900.000	1.800.000	0	Hồng, HHSD
241	22	Bộ dụng cụ TMH	T33015042-1971	2012	1	Rỉ sét	2.500.000	2.500.000	0	Hồng, HHSD
242	23	Cân bàn + thước đo	T33015042-1972	2012	1	Rỉ sét, mất linh kiện	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
243	24	Ghế nệm xoay	T33015042-1974	2012	1	Rỉ sét, gậy chân	1.500.000	1.500.000	0	Hồng, HHSD
244	25	Máy in HP P1018	T33015042-1976	2000	1	Hồng nguồn	2.830.000	2.830.000	0	Hồng, HHSD
	VII Khoa Y tế công cộng									
245	1	Bàn để máy vi tính văn Okal (1.2x0.6x0.8) m	2.12.034.YTCC.01	2012	1	Mục, gậy chân	770.000	770.000	0	Hồng, HHSD
246	2	Máy in HP P1102	2.12.036.YTCC.01	2012	1	Hồng nguồn	2.420.000	2.420.000	0	Hồng, HHSD
247	3	Quạt treo tường	1.13.036.YTCC.01	2013	1	Hồng nguồn	3.500.000	3.500.000	0	Hồng, HHSD
248	4	Ghế gỗ dựa	1. . .YTCC.01	2012	1	Mục, gậy chân	600.000	600.000	0	Hồng, HHSD
	VIII Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm									
249	1	Bàn để máy vi tính	2.11.024.ATVSTP.01	2011	1	Mục, gậy chân	950.000	950.000	0	Hồng, HHSD
250	2	Bàn làm việc gỗ xoan đào sơn PU, 2 ngăn (1.4x0.6x0.7) m	2.16.056.ATVSTP.01	2016	1	Mục, gậy chân	4.851.000	4.851.000	0	Hồng, HHSD
251	3	Tủ cây cánh kiếng (40x90x170) cm	1.92.002.ATVSTP.01	1992	1	Mục, vỡ kiếng	1.800.000	1.800.000	0	Hồng, HHSD
252	4	Bàn cây (80x150) cm	1.91.001.ATVSTP.01	1991	1	Mục, gậy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
253	5	Ghế dài	1.90.012.ATVSTP.01	1990	1	Mục, gậy chân	600.000	600.000	0	Hồng, HHSD
254	6	Quạt treo tường	1.01.004.ATVSTP.01	2001	1	Hồng nguồn	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
255	7	Ghế nệm chân sắt	1. . .ATVSTP.01	2010	1	Rỉ sét, gậy chân	450.000	450.000	0	Hồng, HHSD
	IX Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh									
256	1	Bình chữa cháy MFZ4	1.17.023.XN CDHA.02	2017	1	Rỉ sét, Thùng bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD

257	2	Máy in (Brother) 2140	2.10.001.XN_CDHA.01	2010	1	Hồng bo mạch nguồn	2.500.000	2.500.000	0	Hồng, HHSD
258	3	Bàn làm việc (76x120x60, gỗ ghép 1 cánh, 1 ngăn)	1.10.059.XN_CDHA.01	2010	1	Mục, gậy chân	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
259	4	Nồi hấp ướt (SX Nhật)	1.08.020.XN_CDHA.01	2008	1	Hồng nguồn công suất	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
260	5	Tủ sắt	1.00.013.XN_CDHA.01	2000	1	Ri sét, gậy chân	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
261	6	Bàn chữ nhật	1.10.010.XN_CDHA.01	2010	1	Mục, gậy chân	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
262	7	Điện thoại bàn	1.10.015.XN_CDHA.01	2010	1	Hồng mạch	300.000	300.000	0	Hồng, HHSD
263	8	Ghế xoay Inox	1.10.016.XN_CDHA.01	2010	1	Gậy chân	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
264	9	Máy in Epson LX 300	1.10.019.XN_CDHA.01	2010	1	Hồng bo mạch nguồn	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
265	10	Ôn áp Robot	1.10.024.XN_CDHA.01	2010	1	Hồng	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
266	11	Bàn làm việc	1.10.011.XN_CDHA.02	2010	2	Mục, gậy chân	2.200.000	4.400.000	0	Hồng, HHSD
267	12	Giường INOX	1.13.072.XN_CDHA.02	2013	1	Ri sét, gậy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
		X Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản								
268	1	Ổ khóa AAA Goldtop	1.16.066.CSSKSS.03	2016	3	Ri sét	55.000	165.000	0	Hồng, HHSD
269	2	Bình chữa cháy MFZ4	1.17.024.CSSKSS.01	2017	1	Ri sét, Thùng bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD
270	3	Bộ kiểm tra từ cung (7 món)	2.16.113.CSSKSS.02	2016	1	Mục	871.200	871.200	0	Hồng, HHSD
271	4	Bô tròn	1.19.088.CSSKSS.05	2019	1	Mục	60.000	60.000	0	Hồng, HHSD
272	5	Bô dẹt cho nữ	1.19.089.CSSKSS.05	2019	1	Mục	60.000	60.000	0	Hồng, HHSD
273	6	Xe cấp phát thuốc có hộp	1.19.091.CSSKSS.01	2019	1	Ri sét, Hồng bánh	1.470.000	1.470.000	0	Hồng, HHSD
274	7	Xe lăn	1.19.092.CSSKSS.02	2019	2	Ri sét, mục đệm	2.440.000	4.880.000	0	Hồng, HHSD
275	8	Bàn khám phụ khoa inox bọc inox	1.80.002.CSSKSS.01	1980	1	Ri sét, gậy chân	2.000.000	2.000.000	0	Hồng, HHSD
276	9	Bàn khám thai Inox bọc sắt	1.80.003.CSSKSS.01	1980	1	Ri sét, gậy chân	2.000.000	2.000.000	0	Hồng, HHSD
277	10	Đèn khám phụ khoa	1.00.014.CSSKSS.01	2000	1	Hồng nguồn, bóng	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
278	11	Ghế Inox (4 chân)	1.08.024.CSSKSS.03	2008	1	Ri sét, gậy chân	300.000	300.000	0	Hồng, HHSD
279	12	Tủ nhôm 2 cánh (160x40x80) cm	1.80.007.CSSKSS.01	1980	1	Ri sét, gậy chân	1.800.000	1.800.000	0	Hồng, HHSD
280	13	Quạt đảo	1.05.025.CSSKSS.02	2005	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
281	14	Quạt treo tường	1.05.026.CSSKSS.02	2005	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
282	15	Tủ sắt 2 cánh (160x40x80) cm	1.80.008.CSSKSS.01	1980	1	Ri sét, gậy chân	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
283	16	Bảng ca không xếp	T33015042-1229	2019	1	Ri sét	980.000	980.000	0	Hồng, HHSD
284	17	Máy đo huyết áp người lớn + ống nghe	T33015042-1230	2019	3	Hồng	490.000	490.000	0	Hồng, HHSD
285	18	Cây treo truyền dịch	T33015042-1231	2019	2	Gậy chân	220.000	220.000	0	Hồng, HHSD
286	19	Đèn khám bệnh	T33015042-1250	2019	2	Hồng nguồn+bóng	880.000	880.000	0	Hồng, HHSD
287	20	Bàn gỗ (120x70x80) cm	T33015042-2004	1995	1	Mục, gậy chân	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
288	21	Đèn gù (Tiểu phẫu, Khám phụ khoa) (L751)	T33015042-1218	2016	1	Hồng nguồn+bóng	1.720.000	1.720.000	0	Hồng, HHSD
		XI Phòng khám trung tâm								
289	1	Ghế đai đầu trâu (39x38x4x100,5) cm	1.13.048.PKTT.03	2013	1	Mục, gậy tựa lưng	1.078.000	1.078.000	0	Hồng, HHSD
290	2	Bình chữa cháy MFZ4	1.17.025.PKTT.04	2017	2	Ri sét, Thùng bình	272.000	544.000	0	Hồng, HHSD
291	3	Ghế nhựa lớn 4 sọc Duy Tân	1.12.042.PKTT.10	2012	2	Mục	111.500	223.000	0	Hồng, HHSD
292	4	Ghế cao vuông Duy Tân màu đỏ	1.17.005.PKTT.10	2017	10	Mục	53.000	530.000	0	Hồng, HHSD
293	5	Quạt bàn SanKyo	1.14.022.PKTT.01	2014	1	Hồng cuộn dây	280.000	280.000	0	Hồng, HHSD
294	6	Quạt đứng Tân Kiên Thanh	1.14.023.PKTT.01	2014	1	Hồng cuộn dây	330.000	330.000	0	Hồng, HHSD
295	7	Máy đo huyết áp	1.16.001.PKTT.02	2016	1	Mục	2.134.000	2.134.000	0	Hồng, HHSD
296	8	Bộ lưu điện UPS Santak (300W)	2.15.043.PKTT.01	2015	1	Hồng bình tích điện	990.000	990.000	0	Hồng, HHSD
297	9	Búa thử phân xạ	1.19.123.PKTT.01	2019	1	Gậy	100.000	100.000	0	Hồng, HHSD
298	10	Máy rửa tay sát khuẩn tự động	1.20.002.PKTT.01	2020	2	Hồng nguồn, ri sét	800.000	1.600.000	0	Hồng, HHSD
299	11	Khay đựng dụng cụ các loại KT 30x40x2cm	1.19.200.PKTT.05	2019	1	Hồng, ri sét	150.000	150.000	0	Hồng, HHSD
300	12	Hộp chứa thu gom vật sắc nhọn 6,8l	1.19.207.PKTT.04	2019	1	Hồng bánh xe, ri sét	30.000	30.000	0	Hồng, HHSD



301	13	Xe đẩy bình Oxy 6 khối INOX 201	1.19.211.PKTT.02	2019	1	Hồng đệm, ri sét	1.370.000	1.370.000	0	Hồng, HHSD
302	14	Xe lăn	1.19.216.PKTT.01	2019	1	Hồng, ri sét	2.440.000	2.440.000	0	Hồng, HHSD
303	15	Nhiệt kế y học 42	1.19.220.PKTT.05	2019	5	Vỡ	10.000	50.000	0	Hồng, HHSD
304	16	Bàn gỗ (60x120) cm	1.99.008.PKTT.03	1999	1	Mục, gãy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
305	17	Bảng mica	1.00.018.PKTT.01	2000	1	Mục, vỡ	600.000	600.000	0	Hồng, HHSD
306	18	Bàn tiêm thuốc INOX (84x45) cm	1.02.006.PKTT.01	2002	1	Ri sét, gãy chân	2.000.000	2.000.000	0	Hồng, HHSD
307	19	Cân sức khỏe	1.13.045.PKTT.01	2013	1	Hồng lò xo	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
308	20	Đèn khám bệnh (EL-751)	4.13.047.PKTT.01	2013	1	Hồng nguồn+bóng	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
309	21	Đèn tiêu phẫu	1.00.019.PKTT.01	2000	1	Hồng nguồn+bóng	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
310	22	Ghế tròn INOX	1.99.010.PKTT.11	1999	11	Ri sét, gãy chân	900.000	9.900.000	0	Hồng, HHSD
311	23	Giường INOX	1.00.021.PKTT.02	2000	1	Ri sét, gãy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
312	24	Máy xông khí dung (403B)	4.13.051.PKTT.02	2013	2	Hồng nguồn công suất	3.400.000	6.800.000	0	Hồng, HHSD
313	25	Quạt đảo	1.00.022.PKTT.02	2000	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
314	26	Quạt đứng	1.11.031.PKTT.02	2011	1	Hồng cuộn dây	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
315	27	Tủ cây (115x180x45) cm	1.99.013.PKTT.01	1999	1	Mục, gãy chân	1.600.000	1.600.000	0	Hồng, HHSD
316	28	Tủ thuốc INOX	1.00.023.PKTT.01	2000	1	Ri sét, mất cánh	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
317	29	Xe đẩy 3 tầng (inox) để máy siêu âm	2.13.139.PKTT.01	2013	1	Ri sét, hồng bánh xe	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
318	30	Ghế nhựa đỏ	1.18.003.PKTT.28	2018	28	Mục	110.000	3.080.000	0	Hồng, HHSD
319	31	Cây treo truyền dịch	T33015042-1273	2019	6	Gãy chân	220.000	1.320.000		hồng, HHSD
320	32	Máy huyết áp nhĩ + ống nghe	T33015042-1294	2018	1	Mục hồng	490.000	490.000		hồng, HHSD
321	33	Ghế nhựa cao Duy Tân (33.5 x 33.5 x 45 cm)	T33015042-1288	2020	10	Mục, gãy	55.000	550.000		hồng, HHSD
322	34	Máy đo huyết áp	T33015042-1266	2016	1	Mục	2.134.000	2.134.000		hồng, HHSD
323	35	Bàn tiêu phẫu Inox nâng đầu 2 bên	T33015042-2038	1999	1	Ri sét, gãy	2.800.000	2.800.000		hồng, HHSD
324	36	Bục INOX	T33015042-2019	2002	1	Ri sét, vỡ	300.000	300.000		hồng, HHSD
325	37	Bình chữa cháy MFZ4	T33015042-1255	2007	1	Ri sét, Thùng bình	272.000	272.000		hồng, HHSD
326	38	Ghế nhựa lớn 4 sọc Duy Tân	T33015042-1259	2012	2	Mục, gãy chân	111.000	222.000		hồng, HHSD
327	39	Bàn gỗ (60x120) cm	T33015042-2027	1997	3	Mục, gãy chân	2.580.000	7.740.000		Hồng, HHSD
328	40	Bàn gỗ (70x200x78) cm	T33015042-2028	1996	1	Mục, gãy chân	2.300.000	2.300.000		hồng, HHSD
329	41	Bàn gỗ (70x200x78) cm	T33015042-2013	1996	1	Mục, gãy chân	2.580.000	2.580.000		hồng, HHSD
330	42	Máy in Canon LBP 2900	T33015042-1260	2014	1	Hồng bo mạch	2.800.000	2.800.000		hồng, HHSD
		XII Khoa nội tổng hợp								
331	1	Xe lăn	1.19.067.NTH.02	2019	1	Ri sét, hồng bánh xe	2.440.000	2.440.000	0	Hồng, HHSD
332	2	Bàn vi tính (598x480x765mm)	1.19.073.NTH.01	2019	1	Mục, gãy chân	1.470.000	1.470.000	0	Hồng, HHSD
333	3	Xe đẩy bệnh nhân nằm + nệm + cây treo chuyển dịch	T33015042-1304	2019	1	Ri sét, hồng bánh xe	3.540.000	3.540.000	0	Hồng, HHSD
334	4	Cáng bệnh nhân	T33015042-1305	2019	1	Ri sét	980.000	980.000	0	Hồng, HHSD
		XIII Khoa Hồi sức cấp cứu								
335	1	Bàn làm việc (120x60x750) gỗ tự nhiên (cà chít), Sơn PU, 1 hệ có cánh	1.19.154.HSCC.03	2019	1	Mục, Gãy chân	4.890.000	4.890.000	0	Hồng, HHSD
336	2	Thùng nước đá 9 lít	1.19.163.HSCC.01	2019	1	Mục hồng	390.000	390.000	0	Hồng, HHSD
337	3	Bô tròn	1.19.209.HSCC.05	2019	2	Mục hồng	60.000	120.000	0	Hồng, HHSD
338	4	Bô tiểu nam	1.19.210.HSCC.10	2019	1	Mục hồng	30.000	30.000	0	Hồng, HHSD
339	5	Nhiệt kế y học 42	1.19.221.HSCC.10	2019	5	Mục hồng	10.000	50.000	0	Hồng, HHSD
340	6	Máy đo huyết áp người lớn + ống nghe	T33015042-1358	2019	4	Mục hồng	2.450.000	9.800.000		Hồng, HHSD
341	7	Nhiệt kế y học 42	T33015042-1366	2019	4	Vỡ	50.000	200.000		Hồng, HHSD

342	8	Máy huyết áp nhĩ + ống nghe	T33015042-1339	2019	4	Mục hồng	2.450.000	9.800.000		Hồng, HHSD
343	9	Nồi luộc dụng cụ chạy điện (420B) (Kho)	T33015042-2046	2013	1	Hồng nguồn công suất	3.800.000	3.800.000		Hồng, HHSD
344	10	Đèn khám bệnh	T33015042-1338	2019	1	Hồng nguồn+bóng	1.760.000	1.760.000		Hồng, HHSD
345	11	Máy huyết áp người lớn + ống nghe	T33015042-1272	2019	2	Mục hồng	490.000	980.000		Hồng, HHSD
	XIV	Trạm Y Tế Phường Vĩnh Lợi								
346	1	Bình chữa cháy MFZ8	1.17.029.VLOI.03	2017	1	Rì sét, Thùng bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD
347	2	Bộ lưu điện UPS Santak TG500 (trung Quốc)	2.13.063.VLOI.01	2013	1	Hồng bình tích điện	970.200	970.200	0	Hồng, HHSD
348	3	Đèn khám phụ khoa (đèn gù)	2.13.073.VLOI.01	2013	1	Hồng nguồn+bóng	646.800	646.800	0	Hồng, HHSD
349	4	Ghế đai đầu trâu (0,4x0,4x1) m	2.13.074.VLOI.18	2013	2	Mục, gậy chân	646.800	1.293.600	0	Hồng, HHSD
350	5	Máy in Brother (cấp theo máy siêu âm)	2.13.083.VLOI.01	2013	1	Hồng mạch nguồn	3.185.000	3.185.000	0	Hồng, HHSD
351	6	Máy in Canon LBP 2900	1.16.073.VLOI.01	2016	1	Hồng khay lấy giấy	2.850.000	2.850.000	0	Hồng, HHSD
352	7	Máy thử đường huyết Onetouch (Mỹ)	2.13.087.VLOI.01	2013	1	Hồng mạch	2.414.720	2.414.720	0	Hồng, HHSD
353	8	Quạt trần đảo	2.13.092.VLOI.08	2013	1	Hồng cuộn dây	345.000	345.000	0	Hồng, HHSD
354	9	Xe đẩy bệnh nhân (xe lăn) inox	2.13.099.VLOI.01	2013	1	Rì sét, hồng bánh	1.372.000	1.372.000	0	Hồng, HHSD
355	10	Tủ gỗ thao lao dụng hồ sơ	3.18.101.VLOI.01	2004	1	Mục, gậy cánh tủ	1.400.000	1.400.000	0	Hồng, HHSD
356	11	Máy in canon 2900	1.18.012.VLOI.01	2018	1	Hồng nguồn	3.080.000	3.080.000	0	Hồng, HHSD
357	12	Bộ dụng cụ tiểu phẫu (Pakistan)	2.13.067.VLOI.02	2013	2	Rì sét	931.000	1.862.000	0	Hồng, HHSD
358	13	Bộ thay băng (Pakistan)	2.13.070.VLOI.02	2013	1	Rì sét	490.000	490.000	0	Hồng, HHSD
359	14	Ghế Inox không tựa loại dày, không xếp	2.13.075.VLOI.10	2013	4	Rì sét	784.000	3.136.000	0	Hồng, HHSD
360	15	Máy in Canon LBP 2900	2.13.084.VLOI.02	2013	2	Hồng khay lấy giấy	3.185.000	6.370.000	0	Hồng, HHSD
361	16	Quạt treo tường Bifan	1.16.077.VLOI.04	2016	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
362	17	Ghế đai 3 thê	3.18.099.VLOI.01	2009	1	Mục, gậy chân	400.000	400.000	0	Hồng, HHSD
363	18	Bàn làm việc gỗ	3.18.100.VLOI.01	2004	1	Mục, gậy chân	2.600.000	2.600.000	0	Hồng, HHSD
364	19	Quạt Senko (treo tường)	1.18.004.VLOI.04	2018	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
365	20	Bàn Biro (2 hộc)	1.89.001.VLOI.07	1989	4	Mục, gậy chân	2.200.000	8.800.000	0	Hồng, HHSD
366	21	Bàn gỗ dài (0,8x2) m	1.86.001.VLOI.01	1986	1	Mục, gậy chân	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
367	22	Bàn gỗ ép để máy vi tính (phòng tiếp nhận)	4.13.053.VLOI.01	2013	1	Mục, gậy chân	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
368	23	Bàn sanh Inox	1.99.015.VLOI.02	1999	1	Rì sét, gậy chân	1.200.000	1.200.000	0	Hồng, HHSD
369	24	Đèn cô cong	1.99.019.VLOI.01	1999	1	Hồng bóng	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
370	25	Đèn đọc phim Xquang	1.98.002.VLOI.01	1998	1	Hồng bóng	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
371	26	Ghế đai gỗ	1.92.005.VLOI.09	1992	9	Mục, gậy chân	600.000	5.400.000	0	Hồng, HHSD
372	27	Ghế Inox mặt tròn	1.05.028.VLOI.02	2005	2	Rì sét, gậy chân	900.000	1.800.000	0	Hồng, HHSD
373	28	Ghế nệm chân sắt	1.85.002.VLOI.06	1985	6	Rì sét, gậy chân	450.000	2.700.000	0	Hồng, HHSD
374	29	Ghế salon thê gỗ nệm	1.86.002.VLOI.01	1986	1	Mục, gậy chân	4.200.000	4.200.000	0	Hồng, HHSD
375	30	Tủ đầu giường Inox	1.92.008.VLOI.12	1992	4	Rì sét hồng	800.000	3.200.000	0	Hồng, HHSD
376	31	Tủ đầu giường Inox Sart	1.92.009.VLOI.10	1992	10	Rì sét hồng	800.000	8.000.000	0	Hồng, HHSD
377	32	Tủ lạnh National	1.99.025.VLOI.01	1999	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
378	33	Tủ lạnh Sazomini	1.03.004.VLOI.01	2003	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
379	34	Ghế nha bệnh nhân nằm	1.78.002.VLOI.01	1978	1	Rì sét, mục da nệm	150.000	150.000	0	Hồng, HHSD
380	35	Nồi hấp khô Sida	1.05.029.VLOI.01	2005	1	Hồng nguồn	1.200.000	1.200.000	0	Hồng, HHSD
381	36	Tủ đầu giường inox	4.00.026.VLOI.12	2000	2	Rì sét hồng	800.000	1.600.000	0	Hồng, HHSD
382	37	Ghế nệm chân sắt	1.85.002.VLOI.05	1985	5	Rì sét, gậy chân	450.000	2.250.000	0	Hồng, HHSD
383	38	Máy bơm nước panasonic	T33015042-1390	2013	1	Hồng cuộn dây	1.300.000	1.300.000	0	Hồng, HHSD
384	39	Máy đo huyết áp người lớn	T33015042-1401	2016	2	Mục hồng	2.134.000	4.268.000	0	Hồng, HHSD
385	40	Ghế Inox không tựa loại dày, không xếp	T33015042-1386	2013	6	Rì sét, gậy chân	784.000	4.704.000	0	Hồng, HHSD
386	41	bàn vi tính ván Ximel	T33015042-1399	2014	1	Mục, gậy chân	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
387	42	Bình chữa cháy MFZ8	T33015042-1404	2017	3	Rì sét, Thùng bình	272.000	816.000	0	Hồng, HHSD
388	43	Quạt trần	T33015042-2047	2006	1	Hồng cuộn dây	700.000	700.000	0	Hồng, HHSD

389	44	Bàn Biro (2 hộc)	T33015042-2063	1989	2	Mộc, gậy chân	9.800.000	19.600.000	0	Hồng, HHSD
390	45	Quạt Senko (treo tường)	T33015042-1397	2018	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
391	46	Tủ đầu giường inox	T33015042-2048	2000	4	Ri sét, gậy chân	1.875.000	7.500.000	0	Hồng, HHSD
392	47	Ghế Inox mặt tròn	T33015042-2065	2005	2	Ri sét, gậy chân	180.000	360.000	0	Hồng, HHSD
393	48	Quạt treo tường Bifan	T33015042-1392	2016	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
394	49	Máy nước nóng lạnh Alaska (Model: R81C, làm nóng 550W, làm lạnh)	T33015042-1403	2020	1	Hồng block nén	3.400.000	3.400.000	0	Hồng, HHSD
	XV Trạm Y tế Phường Rạch Sỏi									
395	1	Ghế đôn Duy Tân (27x27x55) cm	1.14.027.RS.07	2014	7	Mộc	53.000	371.000	0	Hồng, HHSD
396	2	Máy bơm nước panasonic	1.13.119.RS.01	2013	1	Hồng cuộn dây	1.300.000	1.300.000	0	Hồng, HHSD
397	3	Máy in HP P1102	4.12.051.RS.01	2012	1	Hồng khay lấy giấy, cụm mực	2.420.000	2.420.000	0	Hồng, HHSD
398	4	Xe đẩy BN ngồi (xe lăn)	2.13.127.RS.01	2013	1	Ri sét, Hồng bánh xe	1.740.000	1.740.000	0	Hồng, HHSD
399	5	Bình oxy + đồng hồ oxy	2.13.105.RS.01	2013	1	Ri sét, Hồng	2.262.000	2.262.000	0	Hồng, HHSD
400	6	Bộ thay băng inox (7 món) Pakistan	2.13.110.RS.02	2013	1	Ri sét, Hồng	365.400	365.400	0	Hồng, HHSD
401	7	Xe đẩy không xếp inox (xe băng ca) (1.9x0.6x0.65) m	2.13.129.RS.01	2013	1	Ri sét, Hồng bánh xe	2.784.000	2.784.000	0	Hồng, HHSD
402	8	Quạt đứng Hali	1.18.015.RS.01	2018	1	Hồng cuộn dây	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
403	9	Quạt đứng Hali	1.18.015.RS.01	2018	1	Hồng cuộn dây	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
404	10	Ghế dài 3 thể	3.09.091.RS.01	2009	1	Mộc, gậy chân	400.000	400.000	0	Hồng, HHSD
405	11	Bàn làm việc gỗ cam xe	3.09.092.RS.01	2009	1	Mộc, gậy chân	2.600.000	2.600.000	0	Hồng, HHSD
406	12	Bàn inox 201	3.11.094.RS.01	2011	1	Ri sét, gậy chân	780.000	780.000	0	Hồng, HHSD
407	13	Ghế inox 201	3.11.095.RS.06	2011	6	Ri sét, gậy chân	220.000	1.320.000	0	Hồng, HHSD
408	14	Ghế dài gỗ (cánh dơi)	2.08.039.RS.21	2008	10	Mộc, gậy chân	600.000	6.000.000	0	Hồng, HHSD
409	15	Ghế inox	2.08.040.RS.01	2008	1	Mộc, gậy chân	550.000	550.000	0	Hồng, HHSD
410	16	Máy hút đàm trẻ em	2.08.043.RS.01	2008	1	Hồng nguồn	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
411	17	Nồi hấp galy	2.08.045.RS.01	2008	1	Hồng nguồn	1.300.000	1.300.000	0	Hồng, HHSD
412	18	Tủ cây lớn	2.08.047.RS.02	2008	2	Mộc, gậy chân	3.000.000	6.000.000	0	Hồng, HHSD
413	19	Bàn cây làm việc biro (1 cánh 1 ngăn, 0,8 x 1,2 x 0,6)	2.08.028.RS.05	2008	2	Mộc, gậy chân	2.200.000	4.400.000	0	Hồng, HHSD
414	20	Bàn sanh Inox	2.08.030.RS.02	2008	2	Ri sét, bung mối hàn	2.200.000	4.400.000	0	Hồng, HHSD
415	21	Đèn gù	2.08.038.RS.02	2008	1	Hồng nguồn +bóng	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
416	22	Ghế khám răng SDC-32	4.13.116.RS.01	2013	1	Ri sét, bung mối hàn	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
417	23	Tủ đầu giường Inox	2.08.048.RS.05	2008	1	Ri sét, gậy chân	800.000	800.000	0	Hồng, HHSD
418	24	Máy vi tính LG+Màn hình	3.14.096.RS.01	2014	1	Hồng nguồn+main+màn hình	2.300.000	2.300.000	0	Hồng, HHSD
419	25	Máy in canon 2900	3.14.097.RS.01	2014	1	Hồng nguồn+khay lấy giấy	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
420	26	Điện thoại bàn	1.09.022.RS.01	2009	1	Hồng mạch	300.000	300.000	0	Hồng, HHSD
421	27	Băng ghế ngồi (3 ghế)	T33015042-2069	2008	2	Ri sét, mộc băng tựa	2.100.000	4.200.000	0	hồng, HHSD
422	28	Bàn cây hội trường	T33015042-2066	2008	1	Mộc, gậy chân	4.800.000	4.800.000	0	hồng, HHSD
423	29	Tủ lạnh Tatung	T33015042-2083	2010	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	hồng, HHSD
424	30	Máy châm cứu KWD-8081	T33015042-1432	2018	1	Hồng mạch nguồn	2.440.000	2.440.000	0	hồng, HHSD
425	31	Tủ nhôm	T33015042-2084	2008	4	Ri sét, Hồng vách	2.800.000	11.200.000	0	hồng, HHSD
	XVI Trạm Y tế Phường An Bình									
426	1	Máy in Canon	3.18.040.AB.01	2010	1	Hồng khay lấy giấy	3.850.000	3.850.000	0	Hồng, HHSD
427	2	Bảng mica khung nhôm (0,8 x 1,2) m	2.09.030.AB.04	2009	2	Mộc, gậy	150.000	300.000	0	Hồng, HHSD
428	3	Bồn nhựa chứa nước 2500lít	2.09.032.AB.01	2009	1	Mộc, vớ	4.200.000	4.200.000	0	Hồng, HHSD
429	4	Bình chữa cháy MFZ4	1.17.030.AB.02	2017	1	Ri sét, Thùng bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD
430	5	Cân 30 kg + 1 thước đo	4.15.022.AB.02	2015	2	Hồng lò xo	370.000	740.000	0	Hồng, HHSD
431	6	Quạt đảo	1.14.032.AB.02	2014	2	Hồng cuộn dây	330.000	660.000	0	Hồng, HHSD

432	7	Tủ sấy galy lớn (lò sấy thiết bị y tế)	4.15.023.AB.01	2015	1	Rì sét, hồng điện trở nhiệt	2.100.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
433	8	Máy in canon 2900	1.18.022.AB.01	2018	1	Hồng khay giấy	3.080.000	3.080.000	0	Hồng, HHSD
434	9	Máy đo + tai nghe huyết áp người lớn	2.16.042.AB.01	2016	1	Mục hồng	1.794.000	1.794.000	0	Hồng, HHSD
435	10	Quạt đảo treo tường	2.09.040.AB.01	2009	1	Hồng cuộn dây	300.000	300.000	0	Hồng, HHSD
436	11	Đèn khám bệnh (EL-751)	4.13.130.AB.01	2013	1	Hồng nguồn+bóng	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
437	12	Ghế khám răng SDC-32	4.13.131.AB.01	2013	1	Rì sét, gậy, bung mối hàn	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
438	13	Ghế xoay inox	2.09.037.AB.01	2009	1	Rì sét, gậy chân	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
439	14	Tủ Lạnh Tatung	2.09.043.AB.01	2009	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
440	15	Bàn ghế nhựa HP loại 4 chỗ	2.09.027.AB.03	2009	3	Mục hồng	1.650.000	4.950.000	0	Hồng, HHSD
441	16	Bảng Méka khung nhôm 08, x1,2	2.09.030.AB.04	2009	4	Mục, vỡ	200.000	800.000	0	Hồng, HHSD
442	17	Bình chữa cháy MFZ4	1.17.030.AB.02	2017	2	Rì sét, Thùng bình	272.000	544.000	0	Hồng, HHSD
443	18	Tủ nhôm kiếng 3 ngăn đáy bằng kính 5 ly	2.09.045.AB.03	2009	1	Rì sét, vỡ kiếng	1.800.000	1.800.000	0	Hồng, HHSD
444	19	Tủ gỗ thao lao đựng hồ sơ	3.18.035.AB.01	2005	1	Mục, gậy chân	1.400.000	1.400.000	0	Hồng, HHSD
XVI Trạm Y tế phường An Hoà										
445	22	Bàn máy Vi Tính	2.10.034.AH.01	2010	1	Mục, gậy chân	950.000	950.000	0	Hồng, HHSD
446	23	Bảng ghế bệnh nhân ngồi (loại 4 ghế) vật liệu nhựa + khung sắt	2.10.036.AH.05	2010	2	Rì sét, mục băng tựa	1.650.000	3.300.000	0	Hồng, HHSD
447	24	Bình chữa cháy MFZ8	1.17.031.AH.06	2017	1	Rì sét, Thùng bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD
448	25	Cân 30 kg + 2 thước đo	4.15.027.AH.02	2015	2	Hồng lò xo	370.000	740.000	0	Hồng, HHSD
449	26	Ghế đơn Duy Tân (27x27x55) cm	1.14.034.AH.10	2014	10	Mục, gậy chân	53.000	530.000	0	Hồng, HHSD
450	27	Ghế dựa lớn 4 sọc duy tân	1.12.056.AH.10	2012	10	Mục, gậy chân	115.000	1.150.000	0	Hồng, HHSD
451	28	Ghế Inox có tựa loại dày, không xếp hàng Việt Nam	2.10.052.AH.05	2010	5	Rì sét, gậy chân	280.000	1.400.000	0	Hồng, HHSD
452	29	Máy in Canon LBP 2900	1.16.084.AH.01	2016	1	Hồng nguồn+khay lấy giấy	2.850.000	2.850.000	0	Hồng, HHSD
453	30	Tủ sấy Galy	2.10.069.AH.02	2010	2	Hồng điện trở nhiệt	4.900.000	9.800.000	0	Hồng, HHSD
454	31	Xe đẩy bệnh nhân (xe lăn)	2.10.073.AH.01	2010	1	Rì sét, hồng bánh xe	1.350.000	1.350.000	0	Hồng, HHSD
455	32	Xe đẩy không xếp INOX (xe băng ca) hàng Việt Nam	2.10.074.AH.01	2010	1	Rì sét, hồng bánh xe	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
456	33	Ghế inox 201	3.11.030.AH.06	2011	6	Rì sét, gậy chân	220.000	1.320.000	0	Hồng, HHSD
457	34	Quạt treo tường (Hali)	2.10.065.AH.18	2010	6	Hồng cuộn dây	350.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
458	35	Bồn Inox đại thành	2.10.041.AH.01	2010	1	Rì sét	2.300.000	2.300.000	0	Hồng, HHSD
459	36	Ghế khám răng SDC-32	4.13.136.AH.01	2013	1	Rì sét, gậy, bung mối hàn	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
460	37	Máy in Canon	T33015042-2117	2014	1	Hồng khay lấy giấy	2.850.000	2.850.000	0	hồng, HHSD
461	38	Quạt treo tường (Hali) (P CC)	T33015042-2110	2010	12	Hồng cuộn dây	380.000	4.560.000	0	hồng, HHSD
462	39	Tủ lạnh TOSHIBA (tiêm chủng) (P TC)	T33015042-2111	2003	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	hồng, HHSD
463	40	Bảng ghế bệnh nhân ngồi (loại 4 ghế) vật liệu nhựa + khung sắt	T33015042-1480	2010	3	Rì sét, mục băng tựa	1.650.000	4.950.000	0	hồng, HHSD
464	41	Bộ tiểu phẫu inox	T33015042-1489	2010	2	Rì sét	500.000	1.000.000	0	hồng, HHSD
465	42	Ghế cao vuông Duy Tân màu đỏ	T33015042-1494	2017	10	Mục hồng	53.000	530.000	0	hồng, HHSD
466	43	Tủ sấy galy lớn (lò sấy thiết bị y tế) (P phụ khoa)	T33015042-1504	2015	1	Hồng nguồn, động cơ nhiệt	2.100.000	2.100.000	0	hồng, HHSD
467	44	Bộ tiểu phẫu inox (20 món)	T33015042-1525	2016	1	Rì sét	1.517.160	1.517.160	0	hồng, HHSD
XVIII Trạm Y tế Phường Vĩnh Lạc										
468	1	Máy in Canon LBP 2900	2.14.062.VL.01	2014	1	Hồng nguồn, khay giấy	3.185.000	3.185.000	0	Hồng, HHSD
469	2	Ti vi 21 in Sony	3.05.084.VL.01	2005	1	Hồng đèn hình	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
470	3	Bàn văn Ximel	3.05.085.VL.01	2005	1	Mục hồng	1.500.000	1.500.000	0	Hồng, HHSD
471	4	Bàn để máy vi tính	2.11.034.VL.01	2011	1	Mục, gậy chân	950.000	950.000	0	Hồng, HHSD
472	5	Quạt đứng Gian Cheng - TQ	1.12.060.VL.01	2012	1	Hồng cuộn dây	770.000	770.000	0	Hồng, HHSD
473	6	Quạt đứng Senko	2.14.066.VL.08	2014	6	Hồng cuộn dây	330.000	1.980.000	0	Hồng, HHSD
474	7	Quạt trần	2.14.067.VL.06	2014	6	Hồng cuộn dây	595.000	3.570.000	0	Hồng, HHSD
475	8	Điện thoại bàn Panasonic	1.18.002.VL.01	2018	1	Hồng chuông	512.000	512.000	0	Hồng, HHSD

476	9	Bàn Vi tính ván Ximel	3.14.090.VL.01	2014	1	Mục, gậy chân	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
477	10	Máy đo huyết áp người lớn	2.16.042.VL.01	2016	1	Mục hồng	1.067.000	1.067.000	0	Hồng, HHSD
478	11	Tủ sấy khô Galy	1.08.064.VL.01	2008	1	Hồng mạch	1.200.000	1.200.000	0	Hồng, HHSD
479	12	Bàn sanh Inox	1.98.004.VL.01	1998	1	Ri sét, gậy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
480	13	Giường sắt	1.95.013.VL.02	1995	2	Ri sét	1.800.000	3.600.000	0	Hồng, HHSD
481	14	Tủ lạnh TaTung	4.08.060.VL.01	2008	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
482	15	Tủ sắt (150x90) cm	1.01.007.VL.02	2001	1	Ri sét, gậy chân	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
483	16	Tủ sắt (150x90) cm	1.98.006.VL.02	1998	1	Ri sét, gậy chân	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
484	17	Tủ sắt (150x90) cm (TTTT)	T33015042-2134	2001	1	Ri sét, gậy chân	1.500.000	1.500.000	0	Hồng, HHSD
485	18	Bàn gỗ 1 thùng (120x70x75) cm	T33015042-2121	2006	3	mục, gậy chân	2.850.000	8.550.000	0	Hồng, HHSD
486	19	Ghế đai gỗ xoan đào ghép (0.4x0.4x1) m VN (cánh dơi) (P hợp)	T33015042-1546	2014	1	mục, gậy chân	833.000	833.000	0	Hồng, HHSD
487	20	Ghế đôn Duy Tân (27x27x55) cm (P tiem chung)	T33015042-1547	2014	4	Mục hồng	53.000	212.000	0	Hồng, HHSD
488	21	Ghế cao vuông Duy Tân màu đỏ (P tiem chung)	T33015042-1548	2017	2	Mục hồng	53.000	106.000	0	Hồng, HHSD
489	22	Bàn làm việc (P trưởng trạm)	T33015042-1563	2009	1	Mục hồng	2.600.000	2.600.000	0	Hồng, HHSD
490	23	Tủ sấy khô tiết trùng Galy GEO025	T33015042-1557	2012	1	Hồng điện trở nhiệt	2.254.000	2.254.000	0	Hồng, HHSD
491	24	Ghế đai gỗ xoan đào ghép (0.4x0.4x1) m VN (cánh dơi) (P hợp)	T33015042-1544	2014	2	Mục hồng	370.000	740.000	0	Hồng, HHSD
XIX Trạm Y tế Phường Vĩnh Hiệp										
492	1	Quạt trần	2.14.096.VH.03	2014	6	Hồng cuộn dây	595.000	3.570.000	0	Hồng, HHSD
493	2	Tủ đựng tài sản gỗ	1.97.011.VH.01	1997	1	Mục, gậy chân, gậy cánh cửa	450.000	450.000	0	Hồng, HHSD
494	3	Bàn họp gỗ mặt ván ép (220 x 90 x80)	1.08.065.VH.01	2008	1	Mục hồng	1.750.000	1.750.000	0	Hồng, HHSD
495	4	Bảng góc truyền thông GDSK	1.15.032.VH.01	2015	1	Mục hồng	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
496	5	Bảng mica ghi lịch công tác (1.5x1) m	2.14.076.VH.01	2014	1	Mục hồng	784.000	784.000	0	Hồng, HHSD
497	6	Cây truyền dịch 3 bánh	1.00.028.VH.01	2000	1	Mục hồng	170.000	170.000	0	Hồng, HHSD
498	7	Ghế đôn Duy Tân (27x27x55) cm	1.14.088.VH.05	2014	5	Mục hồng	53.000	265.000	0	Hồng, HHSD
499	8	Ghế gỗ nhỏ (lưng tựa ván nguyên tấm)	1.02.015.VH.06	2002	6	Mục hồng	180.000	1.080.000	0	Hồng, HHSD
500	9	Ghế nhựa màu xanh duy tân (có tựa)	1.12.063.VH.10	2012	3	Mục hồng	53.000	159.000	0	Hồng, HHSD
501	10	Ghế cao vuông Duy Tân màu đỏ	1.17.011.VH.10	2017	2	Mục hồng	53.000	106.000	0	Hồng, HHSD
502	11	Giường BN Inox	1.01.008.VH.03	2001	1	Ri sét, hồng, gậy chân	1.315.000	1.315.000	0	Hồng, HHSD
503	12	Kelly (kẹp gòn chích thuốc)	2.14.093.VH.05	2014	5	Ri sét hồng	382.200	1.911.000	0	Hồng, HHSD
504	13	Máy in Canon LBP 2900	1.12.065.VH.01	2012	1	Hồng nguồn+khay lấy giấy	2.130.000	2.130.000	0	Hồng, HHSD
505	14	Quạt trần	2.14.096.VH.03	2014	3	Hồng cuộn dây	595.000	1.785.000	0	Hồng, HHSD
506	15	Quạt đứng công nghiệp	1.08.067.VH.01	2008	1	Hồng cuộn dây	250.000	250.000	0	Hồng, HHSD
507	16	Xe đẩy bệnh nhân ngồi (xe lăn inox)	2.14.099.VH.01	2014	1	Ri sét, hồng bánh xe	1.372.000	1.372.000	0	Hồng, HHSD
508	17	Ghế inox 201	3.11.021.VH.06	2011	6	Ri sét, gậy chân	220.000	1.320.000	0	Hồng, HHSD
509	18	Máy in canon 2900	3.14.023.VH.01	2014	1	Hồng nguồn+khay lấy giấy	2.300.000	2.300.000	0	Hồng, HHSD
510	19	Bàn gỗ (2 hộc)	1.00.027.VH.01	2000	1	Mục, gậy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
511	20	Tủ đầu giường Inox	1.01.009.VH.03	2001	1	Ri sét, hồng	800.000	800.000	0	Hồng, HHSD
512	21	Loa kéo di động (BH - 403)	T33015042-2163	2020	1	Hồng mạch	4.000.000	4.000.000	0	Hồng, HHSD
513	22	Micro Sony	T33015042-1597	2006	1	Hồng mạch	150000	150000	0	Hồng, HHSD
XX Trạm Y tế Phường Vĩnh Thanh										
514	1	Máy in Canon LBP 2900	1.14.107.VTh.01	2014	1	Hồng nguồn+khay lấy giấy	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD
515	2	Motour bơm nước	2.11.066.VTh.01	2011	1	Hồng cuộn dây	1.150.000	1.150.000	0	Hồng, HHSD
516	3	Quạt đảo	2.11.067.VTh.10	2011	10	Hồng cuộn dây	345.000	3.450.000	0	Hồng, HHSD

517	4	Bàn sanh Inox VN có nệm dày 5cm (1.3x0.73x0.75) m	2.11.042.VTh.02	2011	1	Rỉ sét, hồng	2.700.000	2.700.000	0	Hồng, HHSD
518	5	Bình chữa cháy MFZ4	1.17.035.VTh.01	2017	1	Rỉ sét, Thung bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD
519	6	Bình chữa cháy MFZ8	1.17.036.VTh.01	2017	1	Rỉ sét, Thung bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD
520	7	Bộ lưu điện UPS santak TG 500 (TQ)	2.14.105.VTh.01	2014	1	Hồng bình tích điện	980.000	980.000	0	Hồng, HHSD
521	8	Dopler nghe tim thai (TQ)	2.12.070.VTh.01	2012	1	Hồng mực	4.900.000	4.900.000	0	Hồng, HHSD
522	9	Ghế Inox VN loại dày không xếp không tựa	2.11.059.VTh.04	2011	4	Rỉ sét Hồng	280.000	1.120.000	0	Hồng, HHSD
523	10	Băng ghế Hòa phát VN (4 ghế/ băng)	1.12.072.VTh.02	2012	1	Rỉ sét Hồng	1.750.000	1.750.000	0	Hồng, HHSD
524	11	Mặt nạ bóp bóng nhi	2.11.063.VTh.01	2011	1	Mực hồng	390.000	390.000	0	Hồng, HHSD
525	12	Máy hút đàm trẻ em 7E-AB	2.11.064.VTh.01	2011	1	Hồng nguồn	2.500.000	2.500.000	0	Hồng, HHSD
526	13	Máy in Canon LBP 2900	1.15.081.VTh.01	2015	1	Hồng bo mạch	2.850.000	2.850.000	0	Hồng, HHSD
527	14	Tủ sấy galy lớn (lò sấy thiết bị y tế)	4.15.083.VTh.01	2015	1	Hồng điện trở nhiệt	2.100.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
528	15	Đầu máy DVD sony	3.09.061.VTh.01	2009	1	Hồng mạch	1.850.000	1.850.000	0	Hồng, HHSD
529	16	Caasette Sony	3.05.063.VTh.01	2005	1	Hồng nguồn	830.000	830.000	0	Hồng, HHSD
530	17	Bàn văn Ximel (màu vàng nhạt)	3.05.065.VTh.01	2005	1	Mực, gây chân	1.500.000	1.500.000	0	Hồng, HHSD
531	18	Bàn Vi tính văn Ximel (màu xám)	3.14.070.VTh.01	2014	1	Mực, gây chân	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
532	19	Bàn làm việc (0,7 x 1,4 x 0,7 m)	1.19.126.VTh.01	2019	1	Mực, gây chân	3.800.000	3.800.000	0	Hồng, HHSD
533	20	Ghế khám răng SDC-32	4.13.156.VTh.01	2013	1	Rỉ sét hồng	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
534	21	Máy in Canon	3.11.069.VTh.01	2011	1	Hồng bo mạch	2.300.000	2.300.000	0	Hồng, HHSD
535	22	Băng ghế ngồi Hoà Phát (4 chỗ)	T33015042-1668	2011	2	Rỉ sét, mực băng tựa	1.550.000	3.100.000	0	Hồng, HHSD
536	23	Ghế đai kiểu cánh dơi VN (0.4x0.38x1.12) m (cầm xe)	T33015042-1679	2011	10	Mực, gây chân	300.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
537	24	Ghế đôn Duy Tân VN	T33015042-1681	2012	5	Mực hồng	53.000	265.000	0	Hồng, HHSD
538	25	Băng ghế Hòa phát VN (4 ghế/ băng)	T33015042-1682	2012	1	Mực hồng	1.750.000	1.750.000	0	Hồng, HHSD
539	26	Quạt đứng SenKo (H lang lâu)	T33015042-2186	2021	1	Hồng cuộn dây	365.000	365.000	0	Hồng, HHSD
540	27	Máy điều hòa LG	T33015042-1687	2011	3	Hồng dân nóng	4.900.000	14.700.000	0	Hồng, HHSD
541	28	Tủ lạnh tatung (P T chung)	T33015042-2182	2009	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
542	29	Máy châm cứu 6 cực KWD-808 Chengyu (P Đông y)	T33015042-1685	2011	1	Hồng nguồn	2.842.000	2.842.000	0	Hồng, HHSD
543	30	Ghế đai 3 thê (P khám bệnh)	T33015042-1701	2011	1	Mực, gây chân	1.200.000	1.200.000	0	Hồng, HHSD
	XXI	Trạm Y tế Phường Vĩnh Thanh Vân								
544	1	Bàn họp giao ban gỗ cầm xe (1,2x2,2x0,8) m	2.09.051.VTV.01	2009	1	Mực, gây chân	3.900.000	3.900.000	0	Hồng, HHSD
545	2	Máy in canon LBP 3300	4.14.127.VTV.01	2014	1	Hồng bo mạch	4.900.000	4.900.000	0	Hồng, HHSD
546	3	Máy in laser Canon I-Sensys LBP151dw (màu đen)	2.17.056.VTV.03	2017	2	Hồng bo mạch	4.752.000	9.504.000	0	Hồng, HHSD
547	4	Tủ sấy galy lớn (lò sấy thiết bị y tế)	4.15.087.VTV.01	2015	1	Hồng nguồn	2.100.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
548	5	Máy in Laser Canon 2900	1.20.076.VTV.02	2020	2	Hồng nguồn+khay lấy giấy	3.500.000	7.000.000	0	Hồng, HHSD
549	6	Bục inox 201 (0.25x0.4x0.3) m	2.17.072.VTV.04	2017	1	Rỉ sét hồng	742.500	742.500	0	Hồng, HHSD
550	7	Đèn cực tím UV khử trùng, TNE, UVC260, 220VAC	2.17.087.VTV.01	2017	1	Rỉ sét, hồng bóng	613.800	613.800	0	Hồng, HHSD
551	8	Huyết áp, ống nghe người lớn, Spirit, CK-A603T	2.17.120.VTV.07	2017	7	Mực hồng	346.500	2.425.500	0	Hồng, HHSD
552	9	Huyết áp, ống nghe nhi, Spirit, dòng Majestic CK-703	2.17.121.VTV.05	2017	3	Mực hồng	267.300	801.900	0	Hồng, HHSD
553	10	Máy in Laser canon LBP 3300	1.14.114.VTV.01	2014	1	Hồng khay lấy giấy, cụm mực	4.000.000	4.000.000	0	Hồng, HHSD
554	11	Máy in laser Canon I-Sensys LBP151dw (màu đen)	2.17.056.VTV.03	2017	3	Hồng bo mạch	4.752.000	14.256.000	0	Hồng, HHSD
555	12	Tủ sấy Galy CKFI.10BC-15, AC 220V-50Hz, 1500W, 33 lít	2.17.071.VTV.02	2017	1	Hồng điện trở nhiệt	2.277.000	2.277.000	0	Hồng, HHSD
556	13	Tủ gỗ thao lao dụng hồ sơ (2 cánh, 2 ngăn kéo)	3.04.105.VTV.01	2004	1	Mực, gây chân	1.400.000	1.400.000	0	Hồng, HHSD
557	14	Ghế đai 3 thê	3.09.106.VTV.01	2009	1	Mực, gây chân	400.000	400.000	0	Hồng, HHSD
558	15	Bàn inox 201	3.11.110.VTV.01	2011	1	Rỉ sét, gây	780.000	780.000	0	Hồng, HHSD
559	16	Ống nghe đo huyết áp	1.18.001.VTV.01	2016	1	Mực hồng	727.000	727.000	0	Hồng, HHSD
560	17	Bộ dụng cụ tiểu phẫu (Pakistan)	2.14.111.VTV.01	2014	1	Rỉ sét hồng	888.682	888.682	0	Hồng, HHSD
561	18	Bộ dụng cụ sanh (Pakistan)	2.14.112.VTV.01	2014	1	Rỉ sét hồng	888.682	888.682	0	Hồng, HHSD
562	19	Ghế Inox 201	3.11.111.VTV.05	2014	5	Rỉ sét, gây chân	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD

563	20	Bàn sanh (60x80x70) cm	2.09.055.VTV.01	2009	1	Rì sét gậy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
564	21	Bảng ghế dựa dây 4 chỗ	2.09.056.VTV.02	2009	1	Rì sét, mục băng tựa	2.300.000	2.300.000	0	Hồng, HHSD
565	22	Ghế đầu Inox	2.09.060.VTV.2	2009	1	Mục, gậy chân	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
566	23	Tủ hồ sơ sắt	1.98.010.VTV.01	1998	1	Rì sét, hồng cửa	1.000.000	1.000.000	0	Hồng, HHSD
567	24	Ghế đai gỗ thè	1.98.009.VTV.06	1998	6	Mục, Gậy chân	600.000	3.600.000	0	Hồng, HHSD
568	25	Quạt treo tường	2.09.065.VTV.27	2009	16	Hồng cuộn dây	350.000	5.600.000	0	Hồng, HHSD
569	26	Quạt trần	2.09.066.VTV.02	2009	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000	0	Hồng, HHSD
570	27	Cân sơ sinh, Nhơn Hòa NHBS-20	T33015042-1736	2017	2	Hồng lò xo	495.000	990.000	0	Hồng, HHSD
571	28	Xe lăn inox (0.42x0.39x0.41) m	T33015042-1781	2017	1	Rì sét, hồng bánh xe	2.277.000	2.277.000	0	Hồng, HHSD
572	29	Kéo inox thẳng nhọn (16 cm) Everbest	T33015042-1756	2017	5	Rì sét hồng	75.240	376.200	0	Hồng, HHSD
573	30	Nhíp inox có mẫu 16cm, Everbest	T33015042-1764	2017	5	Rì sét hồng	24.750	123.750	0	Hồng, HHSD
574	31	Khay inox quả đậu (19x8) cm	T33015042-1758	2017	3	Rì sét hồng	36.630	109.890	0	Hồng, HHSD
575	32	Ghế đai kiểu cánh dơi, gỗ huỳnh sơn PU (0,38x0,42x0,46) m	T33015042-1741	2009	10	Mục, gậy chân	380.000	3.800.000	0	Hồng, HHSD
576	33	Pen inox thẳng không mẫu 16cm, Everbest	T33015042-1774	2017	5	Rì sét hồng	84.150	420.750	0	Hồng, HHSD
577	34	Pen inox cong không mẫu 16cm, Everbest	T33015042-1776	2017	5	Rì sét hồng	84.150	420.750	0	Hồng, HHSD
578	35	Pen inox thẳng có mẫu 16cm, Everbest	T33015042-1777	2017	5	Rì sét hồng	84.150	420.750	0	Hồng, HHSD
579	36	Tủ nhôm (KT 1 x 2 x 0,6 m)	T33015042-1783	2010	1	Rì sét hồng	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
580	37	Nhíp inox không mẫu 16cm, Everbest	T33015042-1763	2017	5	Rì sét hồng	24.750	123.750	0	Hồng, HHSD
581	38	Bộ đồ dè, 04 món, Hilbro và Everbest	T33015042-1727	2017	2	Rì sét hồng	1.881.000	3.762.000	0	Hồng, HHSD
582	39	Chén inox đựng dung dịch (8 cm)	T33015042-1738	2017	4	Rì sét hồng	24.750	99.000	0	Hồng, HHSD
583	40	Đèn tiêu phẩu, TNE, 220V	T33015042-1739	2017	1	Hồng nguồn+ bóng	792.000	792.000	0	Hồng, HHSD
584	41	Bộ đặt và tháo dụng cụ từ cung, 07 món, Hilbro và Everbest	T33015042-1726	2017	3	Rì sét hồng	1.188.000	3.564.000	0	Hồng, HHSD
585	42	Bộ làm rốn, Everbest	T33015042-1730	2017	2	Rì sét hồng	158.400	316.800	0	Hồng, HHSD
586	43	Ghế đôn Duy Tân (27x27x55) cm	T33015042-1742	2014	10	Mục, gậy chân	53.000	530.000	0	Hồng, HHSD
587	44	Tủ lạnh Sanyo SR-95R	T33015042-1766	2015	1	Hồng block nén	2.900.000	2.900.000	0	Hồng, HHSD
588	45	Pen inox kẹp kim 16cm, Everbest	T33015042-1778	2017	5	Rì sét hồng	84.150	420.750	0	Hồng, HHSD
589	46	Bàn làm việc gỗ	T33015042-1782	2009	1	Mục, hồng cánh tủ	2.600.000	2.600.000	0	Hồng, HHSD
590	47	Ghế Inox 201	T33015042-1784	2014	5	Rì sét, gậy chân	220.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
591	48	Cân 30 kg + 1 thước đo	T33015042-1734	2015	2	Hồng lò xo	370.000	740.000	0	Hồng, HHSD
592	49	Bàn máy vi tính (1,2x0,6x0,76) m (1 cánh 1 ngăn)	T33015042-1714	2013	1	Mục, gậy chân	2.350.000	2.350.000	0	Hồng, HHSD
593	50	Mô vật lớn, Everbest	T33015042-1762	2017	5	Rì sét hồng	64.350	321.750	0	Hồng, HHSD
594	51	Huyết áp, ống nghe nhĩ, Spirit, dòng Majestic CK-703	T33015042-1755	2017	2	Mục hồng	267.300	534.600	0	Hồng, HHSD
595	52	Đèn tia hồng ngoại TNE	T33015042-1790	2019	1	Hồng nguồn+bóng	770.000	770.000	0	Hồng, HHSD
596	53	Tủ hồ sơ 2 cánh 3 ngăn gỗ huỳnh sơn PU (1,2x1,8x0,45)m	T33015042-1765	2009	2	Mục, hồng cánh tủ	4.800.000	4.800.000	0	Hồng, HHSD
597	54	Bảng góc truyền thông GDSK	T33015042-1731	2015	1	Mục, vờ	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
598	55	Bàn Vi tính ván Ximel	T33015042-1786	2014	1	Mục, gậy	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
599	56	Kéo inox thâm mỹ thẳng	T33015042-1757	2017	10	Rì sét hồng	75.240	752.400	0	Hồng, HHSD
600	57	Mâm inox chữ nhật (15x30) cm	T33015042-1759	2017	3	Rì sét hồng	123.750	371.250	0	Hồng, HHSD
601	58	Bộ cắt khâu tăng sinh môn, 09 món, Everbest	T33015042-1728	2017	2	Rì sét hồng	7.326.000	7.326.000	0	Hồng, HHSD
602	59	Tủ lạnh Sanyo SR-95R	T33015042-1766	2015	1	Hồng block nén	2.900.000	2.900.000	0	Hồng, HHSD
603	60	Bộ đặt và tháo dụng cụ từ cung, 07 món, Hilbro và Everbest	T33015042-1726	2017	3	Rì sét hồng	1.188.000	3.564.000	0	Hồng, HHSD
		Trạm Y tế Phường Vĩnh Thanh Vân (Vĩnh Bảo cũ)								
604	1	Bộ cân đo	4.15.052.VB.02	2015	2	Rì sét, hồng	370.000	740.000	0	Hồng, HHSD
605	2	Ghế đai 3 thè	3.09.073.VB.01	2009	1	Mục, gậy chân	400.000	400.000	0	Hồng, HHSD

606	3	Bàn máy vi tính ván Okal (1.2x0.6x0.8) m	2.12.067.VB.01	2012	1	Mộc, gậy chân	770.000	770.000	0	Hồng, HHSD
607	4	Bộ tiêu phẫu Inox (13 món)	2.15.047.VB.02	2015	1	Rì sét hồng	750.000	750.000	0	Hồng, HHSD
608	5	Ghế đôn Duy Tân (27x27x55) cm	1.14.102.VB.10	2014	10	Mộc, gậy	53.000	530.000	0	Hồng, HHSD
609	6	Ghế xoay Inox, không tựa, không xếp, loại dày	2.15.055.VB.10	2015	1	Rì sét, gậy chân	605.000	605.000	0	Hồng, HHSD
610	7	Máy in Canon LBP 2900	1.16.091.VB.01	2016	1	Hồng khay lấy giấy, cụm mực	2.850.000	2.850.000	0	Hồng, HHSD
611	8	Quạt treo tường Tân Kiên Thanh	1.17.051.VB.01	2017	1	Hồng cuộn dây	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
612	9	Quạt đứng Sankyo	1.17.052.VB.01	2017	1	Hồng cuộn dây	420.000	420.000	0	Hồng, HHSD
613	10	Hộp hấp bông gạc hình ống 24cm Inox 201	2.15.070.VB.04	2015	2	Rì sét, hồng	560.000	1.120.000	0	Hồng, HHSD
614	11	Khay đựng dụng cụ inox 201 (30x45) cm	2.15.073.VB.04	2015	2	Rì sét, hồng	75.000	150.000	0	Hồng, HHSD
615	12	Loa soi tai (3 cái/bộ)	2.15.079.VB.01	2015	1	Rì sét, hồng	8.960	8.960	0	Hồng, HHSD
616	13	Ghế inox 201	3.11.075.VB.05	2011	5	Rì sét, gậy chân	220.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
617	14	Máy in Canon 2900	3.14.077.VB.01	2014	1	Hồng bo mạch	3.850.000	3.850.000	0	Hồng, HHSD
618	15	Bàn khám bệnh inox (30x150) cm	2.08.069.VB.01	2008	1	Rì sét hồng	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
619	16	Ghế gỗ	2.08.083.VB.08	2008	7	Mộc, gậy chân	600.000	4.200.000	0	Hồng, HHSD
620	17	Tủ thuốc cấp cứu (nhôm)	2.08.094.VB.02	2008	1	Rì sét hồng	800.000	800.000	0	Hồng, HHSD
621	18	Xe đẩy hai tầng	2.08.095.VB.01	2008	1	Rì sét, hồng bánh xe	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
622	19	Bàn gỗ giao ban	2.08.068.VB.01	2008	1	Mộc, gậy chân	3.400.000	3.400.000	0	Hồng, HHSD
623	20	Ghế xoay inox	2.08.084.VB.01	2008	1	Rì sét, gậy chân	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
624	21	Giường inox (200x80) cm	2.08.085.VB.05	2008	1	Rì sét hồng	2.000.000	2.000.000	0	Hồng, HHSD
625	22	Tủ nhôm đựng hồ sơ 4 cánh (1,6 x 0,8 m, 2 cánh kiếng, 2 cánh nhôm)	2.08.090.VB.03	2008	1	Rì sét hồng cánh tủ	2.000.000	2.000.000	0	Hồng, HHSD
626	23	Tủ lạnh bảo quản vắc xin Sanyo	2.08.093.VB.01	2008	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
627	24	Bàn máy vi tính ván Okal (1.2x0.6x0.8) m	T33015042-1655	2012	1	Mộc hồng	770.000	770.000		Hồng, HHSD
628	25	Bàn gỗ giao ban	T33015042-1621	2008	1	Mộc hồng	4.480.000	4.480.000		Hồng, HHSD
629	26	Bộ tiêu phẫu Inox (13 món)	T33015042-1630	2015	2	Rì sét hồng	750.000	1.500.000		Hồng, HHSD
630	27	Ghế xoay inox	T33015042-1637	2008	1	Rì sét, gậy chân	605.000	605.000		Hồng, HHSD
631	28	Ghế xoay Inox, không tựa, không xếp, loại dày	T33015042-1637	2015	10	Rì sét, gậy chân	605.000	6.050.000		Hồng, HHSD
632	29	Giường inox (200x80) cm	T33015042-2173	2008	5	Rì sét, gậy chân	2.600.000	13.000.000		Hồng, HHSD
633	30	Máy in Canon LBP 2900	T33015042-1660	2016	1	Hồng khay lấy giấy, cụm mực	2.850.000	2.850.000		Hồng, HHSD
634	31	Tủ nhôm đựng hồ sơ 4 cánh (1,6 x 0,8 m, 2 cánh kiếng, 2 cánh nhôm)	T33015042-2175	2008	3	Rì sét, hồng cửa	2.800.000	8.400.000		Hồng, HHSD
635	32	Tủ lạnh bảo quản vắc xin Sanyo	T33015042-2178	2008	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000		Hồng, HHSD
636	33	Hộp hấp bông gạc hình ống 24cm Inox 201	T33015042-1645	2015	4	Rì sét hồng	2.240.000	8.960.000		Hồng, HHSD
637	34	Khay đựng dụng cụ inox 201 (30x45) cm	T33015042-1647	2015	4	Rì sét hồng	300.000	1.200.000		Hồng, HHSD
638	35	Máy in Canon 2900	T33015042-1660	2014	1	Hồng nguồn+khay lấy giấy	3.850.000	3.850.000		Hồng, HHSD
639	36	Băng ghế bệnh nhân ngồi Hòa phát (4 ghế, chân sắt)(1.96x0.56x0.82)m	T33015042-1623	2015	5	Mộc, hồng tựa ghế	2.165.000	10.825.000		Hồng, HHSD
640	37	Tủ nhôm	T33015042-1656	2010	1	Rì sét hồng	2.200.000	2.200.000		Hồng, HHSD
641	38	Bộ thay băng Inox (9 món)	T33015042-1631	2015	2	Rì sét hồng	500.000	1.000.000		Hồng, HHSD
642	39	Bộ khám phụ khoa Inox (7 món)	T33015042-1633	2015	2	Rì sét hồng	700.000	1.400.000		Hồng, HHSD
643	40	xe đẩy cấp phát thuốc, 2 tầng Inox 304(0.4x0.6)m	T33015042-1642	2015	2	Rì sét hồng	1.100.000	2.200.000		Hồng, HHSD
644	41	Đèn hồng ngoại Osram+chân đèn (cao 1.7m, 250W)	T33015042-1635	2015	5	Hồng nguồn+ bóng	550.000	2.750.000		Hồng, HHSD
645	42	Tủ sấy điện Gally lớn (lò sấy thiết bị y tế) (1000W)	T33015042-1641	2015	1	hồng nguồn	2.100.000	2.100.000		Hồng, HHSD
646	43	Tủ gỗ thao lao đựng hồ sơ (2 cánh, 2 ngăn kéo)	T33015042-1654	2004	1	Mộc, gậy chân	1.400.000	1.400.000		Hồng, HHSD
647	44	Bục 2 tầng Inox 304	T33015042-2171	2008	1	Mộc hồng	350.000	350.000		Hồng, HHSD
648	45	Bảng mica ghi lịch công tác (1.5x1)m	T33015042-1624	2015	1	Mộc, vờ	800.000	800.000		Hồng, HHSD
649	46	Kelly thẳng (kẹp gòn chích thuốc) Inox 201	T33015042-1646	2015	5	Rì sét hồng	390.000	1.950.000		Hồng, HHSD

650	47	Kẹp cầm máu thẳng loại Korcher-ocher 160mm inox 201	T33015042-1653	2015	4	Rì sét hồng	76.000	304.000		Hồng, HHSD
	XXII	Trạm Y tế Phường Vĩnh Quang								
651	1	Đèn khám phụ khoa (đèn gù)	2.16.115.VQ.01	2016	1	Hồng nguồn+bóng	718.740	718.740	0	Hồng, HHSD
652	2	Cân 30 kg + 2 thước đo	4.15.088.VQ.02	2015	1	Hồng lò xo	370.000	370.000	0	Hồng, HHSD
653	3	Ghế đôn Duy Tân (27x27x55) cm	1.14.116.VQ.10	2014	10	Mục, gậy chân	53.000	530.000	0	Hồng, HHSD
654	4	Máy vi tính (màn hình LCD 18.5". Không có CPU)	1.17.004.VQ.01	2017	1	Hồng main	2.300.000	2.300.000	0	Hồng, HHSD
655	5	Mặt nạ bóp bóng nhi	2.16.136.VQ.02	2016	2	Mục hồng	435.600	871.200	0	Hồng, HHSD
656	6	Huyết áp người lớn (Rossmax-Mỹ)	2.16.137.VQ.03	2016	3	Mục hồng	511.830	1.535.490	0	Hồng, HHSD
657	7	Quạt đứng	1.13.164.VQ.01	2013	2	Hồng cuộn dây	335.000	670.000	0	Hồng, HHSD
658	8	Tủ sấy Galy (220V/50Hz)	2.16.141.VQ.01	2016	1	Hồng nguồn	2.286.900	2.286.900	0	Hồng, HHSD
659	9	Bàn khám phụ khoa inox	2.13.161.VQ.01	2013	1	Rì sét hồng	2.400.000	2.400.000	0	Hồng, HHSD
660	10	Bàn khám bệnh + tiểu phẫu inox (0.9x1.8x0.6) m	2.16.098.VQ.03	2016	1	Rì sét hồng	3.267.000	3.267.000	0	Hồng, HHSD
661	11	Băng ghế nhựa ngồi (3 chỗ)	2.08.106.VQ.05	2008	5	Mục, hồng tựa ghế	270.000	1.350.000	0	Hồng, HHSD
662	12	Băng ghế bệnh nhân ngồi chờ khám bệnh (khung sắt 4 ghế) (1.96x0.56x0.82) m	2.16.103.VQ.06	2016	3	Mục, hồng tựa ghế	2.357.685	7.073.055	0	Hồng, HHSD
663	13	Bộ dụng cụ đặt vòng (9 món)	2.16.107.VQ.02	2016	1	Rì sét hồng	839.520	839.520	0	Hồng, HHSD
664	14	Bộ tiểu phẫu (14 món)	2.16.108.VQ.02	2016	1	Rì sét hồng	915.750	915.750	0	Hồng, HHSD
665	15	Bộ thay băng (7 món)	2.16.109.VQ.02	2016	2	Rì sét hồng	643.500	1.287.000	0	Hồng, HHSD
666	16	Bộ khám phụ khoa (7 món)	2.16.110.VQ.03	2016	1	Rì sét hồng	762.300	762.300	0	Hồng, HHSD
667	17	Bộ hút thay chân không bằng tay I van (4 món)	2.16.112.VQ.02	2016	2	Rì sét hồng	598.950	1.197.900	0	Hồng, HHSD
668	18	Bục inox 2 tầng SUS201	2.12.076.VQ.01	2012	1	Rì sét hồng	392.000	392.000	0	Hồng, HHSD
669	19	Ghế cao vuông Duy Tân màu đỏ	1.17.015.VQ.10	2017	10	Mục, gậy chân	53.000	530.000	0	Hồng, HHSD
670	20	Kelly (kẹp gòn chích thuốc)	2.16.122.VQ.05	2016	5	Rì sét hồng	386.100	1.930.500	0	Hồng, HHSD
671	21	Kẹp lấy dị vật tai	2.16.123.VQ.01	2016	1	Rì sét hồng	548.856	548.856	0	Hồng, HHSD
672	22	Kẹp lấy dị vật mũi	2.16.124.VQ.01	2016	1	Rì sét hồng	548.856	548.856	0	Hồng, HHSD
673	23	Kim khám mũi	2.16.125.VQ.01	2016	1	Rì sét hồng	548.856	548.856	0	Hồng, HHSD
674	24	Kẹp lấy dị vật trong mắt	2.16.126.VQ.01	2016	1	Rì sét hồng	341.510	341.510	0	Hồng, HHSD
675	25	Kẹp cầm máu loại thẳng Korcher-ocher 160 mm	2.16.127.VQ.04	2016	4	Rì sét hồng	82.764	331.056	0	Hồng, HHSD
676	26	Loa soi tai	2.16.128.VQ.01	2016	1	Rì sét hồng	9.757	9.757	0	Hồng, HHSD
677	27	Quạt đứng	1.13.164.VQ.01	2013	1	Hồng cuộn dây	335.000	335.000	0	Hồng, HHSD
678	28	Tủ hồ sơ gỗ (1.2x1.8x0.45) m	2.08.118.VQ.04	2008	4	Mục, hồng cánh tủ	1.200.000	4.800.000	0	Hồng, HHSD
679	29	Tủ sấy galy lớn (lò sấy thiết bị y tế)	4.15.090.VQ.01	2015	1	Hồng nguồn	2.100.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
680	30	Ghế tự 3 tép	3.09.044.VQ.01	2009	1	Mục, gậy chân	400.000	400.000	0	Hồng, HHSD
681	31	Ghế inox 201	3.11.049.VQ.06	2011	6	Rì sét, gậy chân	220.000	1.320.000	0	Hồng, HHSD
682	32	Máy châm cứu KWD-808 I	1.20.019.VQ.01	2020	1	Hồng nguồn	2.440.000	2.440.000	0	Hồng, HHSD
683	33	Cân 30 kg	4.18.002.VQ.05	2018	5	Hồng lò xo	230.000	1.150.000	0	Hồng, HHSD
684	34	Bàn khám phụ khoa Inox	2.08.101.VQ.01	2008	1	Rì sét, gậy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
685	35	Bàn tiểu phẫu Inox	2.08.105.VQ.01	2008	1	Rì sét, gậy chân	2.000.000	2.000.000	0	Hồng, HHSD
686	36	Bồn nước nhựa 500 lít	2.08.108.VQ.01	2008	1	Thùng bồn	1.200.000	1.200.000	0	Hồng, HHSD
687	37	Bộ khám ngũ quan + Đèn treo trần	4.16.114.VQ.01	2016	1	Rì sét, hồng bóng	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
688	38	Bục inox	2.08.109.VQ.01	2008	1	Mục hồng	800.000	800.000	0	Hồng, HHSD
689	39	Cáng thương nằm Inox	2.08.110.VQ.01	2008	1	Rì sét, hồng	1.700.000	1.700.000	0	Hồng, HHSD
690	40	Giường sắt có bánh xe	2.08.114.VQ.02	2008	2	Rì sét, gậy chân	2.000.000	4.000.000	0	Hồng, HHSD
691	41	Tủ lạnh Toshiba	2.08.119.VQ.01	2008	1	Hồng block nén	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
692	42	Tủ nhôm (8 ngăn)	T33015042-1828	2010	1	Rì sét, hồng cánh tủ	2.200.000	2.200.000		Hồng, HHSD
693	43	Bàn Vi tính văn Ximel	T33015042-1829	2010	1	Mục, gậy chân	1.100.000	1.100.000		Hồng, HHSD
694	44	Bảng góc truyền thông GDSK	T33015042-1806	2015	1	Mục, vờ	1.100.000	1.100.000		Hồng, HHSD

695	45	Tủ gỗ thao lao dụng hồ sơ (2 cánh, 2 ngăn kéo)	T33015042-1825	2014	1	Mục, hong cánh tủ	1.400.000	1.400.000	Hong, HHSD	
696	46	Bộ tiêu phẫu (14 món)	T33015042-1802	2016	1	Ri sét hong	915.750	915.750	Hong, HHSD	
697	47	Tủ thuốc nhôm kiếng	T33015042-1822	2008	2	Ri sét, gậy chân	1.800.000	1.800.000	Hong, HHSD	
698	48	Máy châm cứu MDC-06 (Kho	T33015042-1936	2013	1	Hong nguồn	1.250.000	1.250.000	Hong, HHSD	
699	49	Máy in Canon LBP 2900	T33015042-1814	2014	1	Hong khay lấy giấy, cụm mực	2.800.000	2.800.000	Hong, HHSD	
700	50	Bàn làm việc gỗ	T33015042-1826	2009	1	Mục, gậy chân	2.600.000	2.600.000	Hong, HHSD	
701	51	Bàn làm việc gỗ biro (1 học, 1 ngăn)	T33015042-2190	2008	5	Mục, gậy chân	3.000.000	15.000.000	Hong, HHSD	
702	52	Tủ lạnh Aqua 93L	T33015042-2191	2018	1	Hong block nền	3.000.000	3.000.000	Hong, HHSD	
703	53	Loa kéo di động (BH - 403)	T33015042-2193	2019	1	Hong mạch	4.000.000	4.000.000	Hong, HHSD	
704	54	Bảng mica chỉ dẫn tiêm chủng (25x45) cm	T33015042-1798	2014	4	Mục, vờ	110.000	440.000	Hong, HHSD	
705	55	Bộ khám phụ khoa (7 món)	T33015042-1803	2016	2	Ri sét hong	1.524.600	3.049.200	Hong, HHSD	
706	56	Ghế đại gỗ	T33015042-1805	2008	20	Mục, gậy chân	310.000	6.200.000	Hong, HHSD	
707	57	Máy in Canon LBP 2900	T33015042-1816	2014	2	Hong bo mạch	2.821.500	5.643.000	Hong, HHSD	
708	58	Máy bơm nước	T33015042-1813	2008	1	hong cuộn dây	2.250.000	2.250.000	Hong, HHSD	
709	59	Ông nghe tim thai bằng nhôm	T33015042-1819	2016	4	Ri sét hong	114.345	457.380	Hong, HHSD	
710	60	Bảng ghế bệnh nhân ngồi chờ khám bệnh (khung sắt 4 ghế) (1.96x0.56x0.82) m	T33015042-1797	2016	3	Ri sét, mục băng tựa	2.357.685	7.073.055	Hong, HHSD	
711	61	Giường Inox có nệm (0.9x1.9) m	T33015042-1811	2008	1	Ri sét, gậy chân	510.000	510.000	Hong, HHSD	
712	62	Máy thử đường huyết Onetouch (Mỹ) (Horizon)	T33015042-1817	2016	1	Hong mạch	2.683.296	2.683.296	Hong, HHSD	
713	63	Bàn Inox 201	T33015042-1827	2011	1	Ri sét, gậy chân	780.000	780.000	Hong, HHSD	
714	64	Bàn khám phụ khoa inox có nệm 5cm (1.3x0.66x0.75)	T33015042-1794	2016	1	Ri sét, gậy chân	3.994.650	3.994.650	Hong, HHSD	
715	65	Bàn khám bệnh + tiểu phẫu inox (0.9x1.8x0.6) m	T33015042-1793	2016	2	Ri sét, gậy chân	3.267.000	6.534.000	Hong, HHSD	
716	66	Bàn làm việc (1.2x0.6x0.8) m gỗ thao lao, cà chích sơn PU (2 ngăn kéo)	T33015042-1795	2016	5	Mục, gậy chân	4.583.700	22.918.500	Hong, HHSD	
717	67	Bộ dụng cụ đặt vòng (9 món)	T33015042-1801	2016	1	Ri sét hong	839.520	839.520	Hong, HHSD	
718	68	Tủ đầu giường (35x0.4x0.88) m	T33015042-1820	2008	2	Ri sét hong	187.500	375.000	Hong, HHSD	
719	69	Xe đẩy dụng cụ inox 2 tầng	T33015042-1823	2012	1	Ri sét, hong bánh xe	784.000	784.000	Hong, HHSD	
XXIII Trạm Y tế Phường Vĩnh Thông										
720	1	Bình nước nóng lạnh Sharp	2.12.088.VThg.01	2012	1	Hong dán lạnh	3.800.000	3.800.000	0	Hong, HHSD
721	2	Đèn gu khám phụ khoa	2.12.098.VThg.02	2012	1	Hong nguồn+bóng	650.000	650.000	0	Hong, HHSD
722	3	Dopler nghe tim thai (TQ)	2.12.099.VThg.02	2012	1	Ri sét hong	4.900.000	4.900.000	0	Hong, HHSD
723	4	Huyết áp người lớn yamasu	2.12.103.VThg.02	2012	1	Ri sét hong	490.000	490.000	0	Hong, HHSD
724	5	Máy bơm áp lực HP	2.12.106.VThg.02	2012	1	Hong cuộn dây	2.000.000	2.000.000	0	Hong, HHSD
725	6	Máy in Hp laserjet P1102	2.16.148.VThg.01	2016	1	Hong bo mạch	2.850.000	2.850.000	0	Hong, HHSD
726	8	Bình chữa cháy MFZ8	1.17.040.VThg.02	2017	1	Ri sét, Thùng bình	272.000	272.000	0	Hong, HHSD
727	9	Bình oxy + đồng hồ oxy	2.12.089.VThg.01	2012	1	Ri sét hong	3.950.000	3.950.000	0	Hong, HHSD
728	10	Bục 2 tầng INOX	2.12.090.VThg.05	2012	1	Mục hong	400.000	400.000	0	Hong, HHSD
729	11	Cân 30 kg + 1 thước đo	4.15.092.VThg.02	2015	2	Hong lò xo	370.000	740.000	0	Hong, HHSD
730	12	Ghế đại gỗ	1.97.016.VThg.07	1997	7	Mục, gậy chân	10.714	75.000	0	Hong, HHSD
731	13	Ghế đôn Duy Tân (27x27x55) cm	1.14.120.VThg.10	2014	10	Mục, gậy chân	53.000	530.000	0	Hong, HHSD
732	14	Quạt đảo treo tường	2.12.110.VThg.20	2012	14	Hong cuộn dây	595.000	8.330.000	0	Hong, HHSD
733	15	Tủ lạnh Aqua	4.16.154.VThg.01	2016	1	Hong block nền	2.850.000	2.850.000	0	Hong, HHSD
734	16	Tủ sấy galy lớn (lò sấy thiết bị y tế)	4.15.093.VThg.01	2015	1	Hong nguồn	2.100.000	2.100.000	0	Hong, HHSD
735	17	Bình lọc nước lớn (Phi lọc)	1.03.009.VThg.01	2003	1	Ri sét hong	3.500.000	3.500.000	0	Hong, HHSD
736	18	Chậu tắm trẻ (Mù)	1.03.013.VThg.01	2003	1	Mục hong	3.800.000	3.800.000	0	Hong, HHSD
737	19	Đèn gu khám phụ khoa	1.98.013.VThg.01	1998	1	Hong nguồn+bóng	500.000	500.000	0	Hong, HHSD
738	20	Đèn khám bệnh (EL-751)	4.13.166.VThg.01	2013	1	Hong nguồn+bóng	500.000	500.000	0	Hong, HHSD
739	21	Nồi luộc dụng cụ chạy điện	1.03.017.VThg.01	2003	1	Hong nguồn	1.200.000	1.200.000	0	Hong, HHSD



740	22	Nồi luộc dụng cụ chạy điện (420B)	4.13.169.VThg.01	2013	1	Hồng nguồn	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
741	23	Cân thể trạng thước (Đứng)	1.03.012.VThg.01	2003	1	Hồng lò xo	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
742	24	Cây truyền dịch INOX	1.98.012.VThg.04	1998	4	Rì sét, gậy chân	150.000	600.000	0	Hồng, HHSD
743	25	Ghế khám răng SDC-32	4.13.167.VThg.01	2013	1	Rì sét, gậy chân, rách nệm	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
744	26	Giường nâng đầu có nệm	1.98.014.VThg.01	1998	1	Rì sét, gậy chân	2.200.000	2.200.000	0	Hồng, HHSD
745	27	Loa tay (Pincent)	1.03.015.VThg.01	2003	1	Rì sét hồng	550.000	550.000	0	Hồng, HHSD
746	28	Tủ sấy điện DO - 75	4.13.170.VThg.01	2013	1	Hồng nguồn	1.800.000	1.800.000	0	Hồng, HHSD
747	29	Bộ dụng cụ đặt vòng inox sus 304 (7 món)	T33015042-1845	2012	2	Rì sét hồng	750.000	1.500.000		Hồng, HHSD
748	30	Bàn Vi tính văn Ximel	T33015042-1879	2014	1	Mục, gậy chân	1.100.000	1.100.000		Hồng, HHSD
749	31	Quạt treo tường	T33015042-2210	2012	1	Hồng cuộn dây	1.400.000	1.400.000		Hồng, HHSD
750	32	Quạt đứng	T33015042-2211	2012	2	Hồng cuộn dây	350.000	700.000		Hồng, HHSD
751	33	Quạt đảo treo tường	T33015042-1861	2012	6	Hồng cuộn dây	595.000	3.570.000		Hồng, HHSD
752	34	Bộ dụng cụ sanh inox sus 304 (10 món)	T33015042-1844	2012	1	Rì sét hồng	1.580.000	1.580.000		Hồng, HHSD
753	35	Tủ sấy tiệt trùng Galy	T33015042-1870	2012	2	Hồng nguồn	2.300.000	4.600.000		Hồng, HHSD
754	36	Bộ khám phụ khoa inox sus 304 (7 món)	T33015042-1848	2012	1	Rì sét hồng	600.000	600.000		Hồng, HHSD
XXIV Trạm Y tế xã Phi Thông										
755	1	Băng ghế bệnh nhân ngồi (0.82x1.96x0.56) m. Ghế 4 băng	2.12.125.PT.04	2012	1	Mục, hồng tựa ghế	1.715.000	1.715.000	0	Hồng, HHSD
756	2	Bình chữa cháy MFZ8	1.17.042.PT.01	2017	1	Rì sét, Thùng bình	272.000	272.000	0	Hồng, HHSD
757	3	Bàn Vi tính văn Ximel	3.14.127.PT.01	2014	1	Mục, gậy chân	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
758	4	Bộ dụng cụ đặt vòng (gồm 7 món)	2.12.133.PT.02	2012	1	Rì sét hồng	735.000	735.000	0	Hồng, HHSD
759	5	Bộ tiêu phẫu inox (gồm 15 món)	2.12.135.PT.01	2012	1	Rì sét hồng	793.800	793.800	0	Hồng, HHSD
760	6	Bộ khám phụ khoa (gồm 7 món)	2.12.137.PT.02	2012	1	Rì sét hồng	588.000	588.000	0	Hồng, HHSD
761	7	Cân kết hợp thước đo sức khỏe + Số tim mạch	4.14.124.PT.01	2014	1	Hồng lò xo	951.500	951.500	0	Hồng, HHSD
762	8	Cân 30 kg + 1 thước đo	4.15.096.PT.02	2015	1	Hồng lò xo	370.000	370.000	0	Hồng, HHSD
763	9	Đèn gù khám phụ khoa VN	2.12.142.PT.02	2012	2	Hồng nguồn+bóng	637.000	1.274.000	0	Hồng, HHSD
764	10	Ghế inox không tựa loại dầy không xếp. Ghế dài cao 0.8m mặt tròn 0.2m	2.12.144.PT.08	2012	5	Rì sét, gậy chân	274.400	1.372.000	0	Hồng, HHSD
765	11	Huyết áp người lớn Yamasu	2.12.146.PT.03	2012	1	Rì sét hồng	480.200	480.200	0	Hồng, HHSD
766	12	Mặt nạ bóp bóng nhi	2.12.147.PT.01	2012	1	Mục hồng	382.200	382.200	0	Hồng, HHSD
767	13	Tủ đựng hồ sơ gỗ xoan đào (1.8x0.9x0.45) m	2.12.157.PT.03	2012	3	Mục, gậy chân	3.724.000	11.172.000	0	Hồng, HHSD
768	14	Tủ sấy tiệt trùng Galy GE0025 TQ	2.12.159.PT.01	2012	1	Hồng nguồn	2.254.000	2.254.000	0	Hồng, HHSD
769	15	Tủ sấy galy lớn (lò sấy thiết bị y tế)	4.15.097.PT.01	2015	1	Hồng nguồn	2.100.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
770	16	Cây truyền dịch 3 bánh	1.08.131.PT.02	2008	1	Rì sét, gậy chân	800.000	800.000	0	Hồng, HHSD
771	17	Amplify + đầu đĩa + thùng bass	2.13.171.PT.01	2013	1	Hồng nguồn	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
772	18	Bàn Büro (1 học)	1.97.019.PT.02	1997	2	Mục, gậy chân	2.200.000	4.400.000	0	Hồng, HHSD
773	19	Bàn Inox (PK + KT + Sanh)	1.98.019.PT.03	1998	3	Rì sét, gậy chân	2.000.000	6.000.000	0	Hồng, HHSD
774	20	Bàn mica chữ nhật (88x180) cm	1.06.017.PT.01	2006	1	Mục, gậy chân	500.000	500.000	0	Hồng, HHSD
775	21	Bàn sanh cây	1.97.020.PT.01	1997	1	Mục, gậy chân	800.000	800.000	0	Hồng, HHSD
776	22	Bộ hồi sức sơ sinh	4.15.095.PT.01	2015	1	Rì sét hồng	600.000	600.000	0	Hồng, HHSD
777	23	Bộ khám ngũ quan + Đèn treo trần	4.16.151.PT.01	2016	1	Rì sét hồng bóng	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
778	24	Đèn khám bệnh (EL-751)	4.13.175.PT.01	2013	1	Hồng nguồn+bóng	350.000	350.000	0	Hồng, HHSD
779	25	Ghế khám răng SDC-32	4.13.176.PT.01	2013	1	Rì sét, gậy chân, rách nệm	900.000	900.000	0	Hồng, HHSD
780	26	Máy hút đàm	1.02.023.PT.01	2002	1	Hồng động cơ	1.200.000	1.200.000	0	Hồng, HHSD
781	27	Quạt trần	2.12.155.PT.03	2012	3	Hồng cuộn dây	700.000	2.100.000	0	Hồng, HHSD
782	28	Tivi Sony	4.13.182.PT.01	2013	1	Hồng màn hình	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
783	29	Tủ gỗ kiến 1 cánh (40x76x156) cm	1.98.020.PT.01	1998	1	Mục, vỏ kiếng	2.800.000	2.800.000	0	Hồng, HHSD

784	30	Tủ gỗ kiến 2 cánh (40x100x150) cm	1.98.021.PT.01	1998	1	Mộc, vờ kiếng	3.300.000	3.300.000	0	Hồng, HHSD
785	31	Tủ lạnh Toshiba	4.06.019.PT.01	2006	1	Hồng dân nóng	3.000.000	3.000.000	0	Hồng, HHSD
786	32	Tủ sấy điện DO - 75	4.13.183.PT.01	2013	1	Hồng nguồn	1.800.000	1.800.000	0	Hồng, HHSD
787	33	Cánh tay CT-01	T33015042-2215	2013	1	Rì sét, gậy	1.100.000	1.100.000	0	Hồng, HHSD
788	34	Ghế đai cây	T33015042-2216	2006	4	Mộc, gậy chân	800.000	3.200.000	0	Hồng, HHSD
789	35	Ghế cao vương Duy Tân màu đỏ	T33015042-1907	2017	10	Mộc, gậy chân	53.000	530.000	0	Hồng, HHSD
790	36	Bộ thay băng (gồm 7 món)	T33015042-1900	2012	1	Rì sét hồng	490.000	490.000	0	Hồng, HHSD
791	37	Ghế đai 3 thê	T33015042-1926	2010	1	Mộc, gậy chân	400.000	400.000	0	Hồng, HHSD
792	38	Huyết áp người lớn Yamasu	T33015042-1911	2011	2	Rì sét hồng	480.200	960.400	0	Hồng, HHSD
		Tổng cộng			3.577		3.332.146.800	3.939.259.792	0	